**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**Tuần 3: Từ ngày 23/9/2024 đến ngày 27/9/2024**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ** | **Ngày** | **Môn** | | **Tiết** | **Tên bài dạy** | |
| **Hai** | **Sáng**  **23/9** | Toán | 7 | | Số 10 |
| Mĩ thuật | 3 | | Bài 2. Màu sắc quanh em (Tiết 1) |
| Tiếng Việt | 25 | | Bài 10. ê, l (Tiết 1) |
| Tiếng Việt | 26 | | Bài 10. ê, l (Tiết 2) |
| **Chiều** | Đạo đức | 3 | | Bài 2. Gọn gàng, ngăn nắp (Tiết 1) |
| TNXH | 5 | | Ngôi nhà của em (Tiết 2) |
| HĐTN | 7 | | Sinh hoạt dưới cờ: Tìm hiểu an toàn trường học |
| **Ba** | **Sáng**  **24/9** | Tiếng Việt | | 27 | Bài 11. b, bễ (Tiết 1) | |
| Tiếng Việt | | 28 | Bài 11. b, bễ (Tiết 2) | |
| Tiếng Việt | | 29 | Tập viết sau bài 10, 11 | |
| Toán | | 8 | Luyện tập | |
| **Tư** | **Sáng**  **25/9** | Tiếng Việt | | 30 | Bài 12. g, h (Tiết 1) | |
| Tiếng Việt | | 31 | Bài 12. g, h (Tiết 2) | |
| GDTC | | 5 | Ôn ĐHĐN Trò chơi: “Làm theo hiệu lệnh” | |
| Âm nhạc | | 3 | Chủ đề: Tổ Quốc Việt Nam (Tiết 3) | |
| HĐTN | | 8 | Hoạt động giáo dục theo chủ đề: Một ngày ở trường | |
| **Năm** | **Sáng**  **26/9** | Tiếng Việt | | 32 | Bài 13. i, ia (Tiết 1) | |
| Tiếng Việt | | 33 | Bài 13. i, ia (Tiết 2) | |
| Tiếng Việt | | 34 | Tập viết sau bài 12, 13 | |
| Toán | | 9 | Nhiều hơn – Ít hơn – Bằng nhau | |
| TNXH | | 6 | Ngôi nhà của em (Tiết 3) | |
| **Sáu** | **Sáng**  **27/9** | Tiếng Việt | | 35 | Bài 14. Kể chuyện Hai chú gà con | |
| Tiếng Việt | | 36 | Bài 15. Ôn tập | |
| GDTC | | 6 | Ôn ĐHĐN. Trò chơi: “Làm theo hiệu lệnh” | |
| HĐTN | | 9 | Sinh hoạt lớp: Chia sẻ việc thực hiện ATGT ở cổng trường | |

**Toán – Lớp 1G**

**Tên bài học: Số 10 – Tiết 7**

**Thời gian thực hiện: ngày 23 tháng 9 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Biết cách đếm các đồ vật có số lượng đến 10. Thông qua đó, HS nhận biết được số lượng, hình thành biểu tượng về số 10.

- Đọc, viết số 10.

- Nhận biết vị trí số 0 trong dãy các số từ 0 – 10.

- Thông qua các hoạt động quan sát tranh, đếm số lượng, nhận biết số 10 trong các tình huống thực tiễn, học sinh có cơ hội được phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy và lập luận toán học.

- Thông qua việc sử dụng số 10 để biểu thị số lượng, trao đổi chia sẻ với bạn các ví dụ về số 10 trong thực tiễn, học sinh có cơ hội được phát triển năng lực mô hình hóa toán học, năng lực giao tiếp toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên: Tranh tình huống; một số chấm tròn, que tính, hình tam giác trong bộ đồ dùng Toán 1.

b. Học sinh: Vở, SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. khởi động (3 phút)** |  |
| - Giáo viên trình chiếu tranh khởi động SGK Toán 1 trang 18.  - Yêu cầu học sinh làm việc nhóm đôi: nói cho bạn nghe bức tranh vẽ gì.  - Giáo viên theo dõi, giúp đỡ các nhóm.  **2. Hình thành kiến thức mới( 10 phút)** | - HS quan sát tranh trên màn hình.  - HS đếm số quả mỗi loại rồi trao đổi với bạn:  + Có 5 quả xoài  + Có 6 quả cam  + Có 8 quả na  + Có 9 quả lê |
| **Hoạt động 1: Hình thành số 10.** |  |
| \* Quan sát khung kiến thức. |  |
| - GV yêu cầu HS đếm số quả táo và số chấm tròn.  - GV yêu cầu học sinh lần lượt lấy ra các thẻ tương ứng với số 10.  - GV yêu cầu HS lấy 10 đồ vật bất kì trong bộ đồ dùng toán rồi đếm.  - Yêu cầu HS lên bảng đếm | - HS đếm và trả lời :  + Có 10 quả táo, có 10 chấm tròn. Số 10.  + Xô màu hồng có 2 con cá. Ta có số 2.  - HS lấy thẻ số trong bộ đồ dùng gài số 10.  - HS lấy nhóm đồ vật số lượng là 10 (que tính, chấm tròn) rồi đếm.  - HS ở dưới theo dõi và nhận xét. |
| **Hoạt động 2: Viết số 10**  - GV viết mẫu kết hợp hướng dẫn học sinh viết số 10:  + Số 10 gồm có mấy chữ số? Là các chữ số nào?  + Số 10 gồm có các chữ số nào?  + Chữ số nào đứng trước, chữ số nào đứng sau?  + GV yêu cầu HS nêu lại quy trình viết chữ số 1 và chữ số 0.  - GV cho học sinh viết bảng con | - Học sinh theo dõi và quan sát  + Gồm có 2 chữ số.  + Chữ số 1 và chữ số 0  + Chữ số 1 đứng trước, chữ số 0 đứng sau.  + Vài HS lên chia sẻ cách viết |
| - GV nhận xét, sửa cho HS. |  |
| **3. Luyện tập,thực hành: 15phút** |  |
| **Bài 1. a.Số ?** |  |
| - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh làm việc nhóm đôi.  - Gọi HS lên chia sẻ trước lớp. | - 2 - 3 học sinh nhắc lại yêu cầu bài  - HS đếm số quả có trong mỗi hình đọc số tương ứng cho bạn :  + 8 quả na  + 9 quả lê  + 10 quả măng cụt  - Đại diện một vài nhóm lên chia sẻ.  - HS đánh giá sự chia sẻ của các nhóm. |
| **b. Chọn số thích hợp:**  - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh làm việc cá nhân  - Gọi HS lên chia sẻ trước lớp.  - GV cùng học sinh nhận xét phần chia sẻ của bạn. | - 2 - 3 học sinh nhắc lại yêu cầu bài  - HS đếm số quả có trong mỗi hình rồi chọn số thích hợp có trong ô:  + 6 quả cam  + 8 quả chuối  + 10 quả xoài  - 3 HS lên chia sẻ trước lớp |
| **Bài 2. Lấy số hình phù hợp (theo mẫu)** |  |
| - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV hướng dẫn HS làm mẫu:  + Bên dưới ô đầu tiên là số mẫy?  + Tiếp theo ta phải làm gì?  - GV cho học sinh làm bài cá nhân  - GV cho HS lần lượt lên chia sẻ kết quả  - GV cùng HS nhận xét tuyên dương | - 2 - 3 học sinh nhắc lại yêu cầu.  + Là số 8  + Lấy 8 ô vuông nhỏ trong bộ đồ dùng bỏ vào trong khung hình  - HS lần lượt lấy 9 rồi 10 ô vuông nhỏ bỏ vào trong từng khung hình.  - HS báo cáo kết quả làm việc. |
| **Bài 3. Số ?** |  |
| - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh làm bài cá nhân  - GV tổ chức cho học sinh thi đếm 0-10 và 10-0.  - GV cùng HS nhận xét tuyên dương | - 2 - 3 học sinh nhắc lại yêu cầu  - HS tìm quy luật rồi điền các số còn thiếu vào ô trống.  - HS thi đếm từ 0 đến 10 và đếm từ 10 đến 0. |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm: 5phút** |  |
| **Bài 4. Đếm và chỉ ra 10 bông hoa mỗi loại.** |  |
| - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh làm bài theo cặp.  - GV yêu cầu học sinh kể tên các 10 đồ vật có xung quanh mình.  - GV cùng HS nhận xét. | - 2 - 3 học sinh nhắc lại yêu cầu  - HS dếm đủ 10 bông hoa mỗi loại rồi chia sẻ với bạn cách đếm.  - HS kể |
| **5. Củng cố và nối tiếp ( 2 phút)** |  |
| - Bài học hôm nay, em biết thêm điều gì?  - Từ ngữ toán học nào em cần chú ý?  - Về nhà em cùng người thân tìm thêm các ví dụ có số 10 trong cuộc sống để hôm sau chia sẻ với các bạn.  - Nhận xét. Tuyên dương | - HS trả lời  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: KHÔNG**

**Mĩ thuật – Lớp 1G**

**Tên bài học: Bài 2 Màu sắc quanh em (Tiết 1) – Tiết 3**

**Thời gian thực hiện: ngày 23 tháng 9 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

a. Phẩmchất

Bài học góp phần hình thành và phát triển ở HS nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm, trung thực…. , thông qua một số biểu hiện cụ thể sau:

- Yêu thiên nhiên, yêu thích nét đẹp của màu sắc.

- Biết chuẩn bị đồ dùng, dụng cụ học tập, tham gia các hoạt động nhóm.Trung thực trong nhận xét, chia sẻ, thảo luận.

- Không tự tiện sử dụng màu sắc, họa phẩm, …của bạn.

- Biết giữ vệ sinh lớp học, ý thức bảo quản đồ dùng học tập, trân trọng sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật của mình, của mọi người.

b. Năng lực

Bài học góp phần hình thành, phát triển các năng lực sau:

\* Năng lực mĩ thuật

- Nhận biết và gọi tên được một số màu sắc quen thuộc; biết cách sử dụng một số loại màu thông dụng; bước đầu biết được sự phong phú của màu sắc trong thiên nhiên, trong cuộc sống và trong sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật.

- Sử dụng màu sắc ở mức độ đơn giản. Tạo được sản phẩm với màu sắc theo ý thích.

- Phân biệt được một số loại màu vẽ và cách sử dụng. Bước đầu chia sẻ được cảm nhận về màu sắc ở sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật và liên hệ cuộc sống.

\* Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập; tự giác thự hiện nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết cùng bạn trao đổi, thảo luận, nhận xét, phát biểu về các nội dung của bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết quan sát, nhận ra sự khác nhau của màu sắc.

\* Năng lực đặc thù khác

- Năng lực ngôn ngữ: Sử dụng được ngôn ngữ diễn tả về màu sắc theo cảm nhận.

- Năng lực khoa học: biết được trong tự nhiên và cuộc sống có nhiều màu sắc khác nhau.

- Năng lực thể chất: Biểu hiện ở hoạt động tay trong các kĩ năng thao tác, sử dụng công cụ bằng tay như sử dụng kéo, hoạt động vận động.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên:

- Các đồ dùng cần thiết như gợi ý trong bài 1 SGK Mĩ thuật 1.

- Minh họa giới thiệu cách sử dụng một số loại màu vẽ thông dụng.

- Phương tiện, họa phẩm chủ yếu là màu vẽ, giấy màu và đất nặn nhiều màu.

- Chuẩn bị tốt các nội dụng về màu sắc và ý nghĩa của nó.

- Một số bức tranh rõ màu chủ đạo, màu sắc khác nhau.

b. Học sinh

- SGK Mĩ thuật 1, Vở Thực hành Mĩ thuật 1;

- Các đồ dùng cần thiết như gợi ý trong bài 1 SGK Mĩ thuật 1.

- Các sản phẩm khác nhau có màu sắc phong phú.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Khởi động (5 phút)**  - Kiểm tra sĩ số và chuẩn bị bài học của HS.  **2.Hình thành kiến thức mới (25 phút)**  **Hoạt động 2: Khởi động, giới thiệu bài học.**  - GV giơ một số hình ảnh gần gũi quen thuộc trong tự nhiên, đời sống( cây có đóm lá hình giống các chấm, pháo hoa, tuyết rơi, con chó đốm, con cánh cam, hộp đựng bút, …)  - Nêu câu hỏi, giúp HS nhận ra chấm ở hình ảnh.  - Gv chốt ý giới thiệu tựa bài.  **Hoạt động 3: Tổ chức cho HS tìm hiểu, khám phá Những điều mới mẻ**  **1. Quan sát, nhận biết**  **1.1. Tổ chức HS tìm chấm ở một số hình ảnh trong tự nhiên, trong đời sống:**  - Hướng dẫn HS quan sát hình ảnh SGK và yêu cầu HS nêu kích thước, màu sắc của các chấm trong hình trang 14. Gợi nhắc: chấm có kích thước bằng nhau/khác nhau; chấm có màu sắc giống nhau/khác nhau (SGK, trang 14).  - Hình ảnh trang 15 SGK Mĩ Thuật 1. GV có thể chuẩn bị thêm hình ảnh con cánh cam, pháo hoa, tuyết rơi,…  - Tổ chức cho HS thảo luận nhóm và yêu cầu các em:  + Giới thiệu tên các hình ảnh minh họa.  + Nêu hình dạng màu sắc của các chấm ở mỗi hình ảnh.  – Tóm tắt nội dung trả lời của các nhóm HS, kết hợp giới thiệu thêm thông tin về: con sao biển; con hươu sao; trang phục váy.  – Gợi mở HS quan sát lớp học để tìm chấm.  – Giới thiệu một số hình ảnh có hình chấm và gợi mở HS kể tên, đọc tên màu sắc của các chấm.  **1.2. Tổ chức HS tìm chấm ở sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật:**  – GV giới thiệu các sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật, kết hợp tương tác với HS.  + Bức tranh “ Hoa hướng dương” của bạn Đình Quang.  + Bức tranh “ Chiều chủ nhật trên đảo Grăn- đơ Da- tơ”(trích đoạn) của họa sĩ Sơ- rát (Georges Pierre Seurat). Yêu cầu HS: thảo luận, giới thiệu một số hình ảnh được tạo từ chấm.  - GV giới thiệu họa sĩ Sơ- rát (1859- 1891): Là người Pháp, ông là người rất thích sử dụng chấm để sáng tạo các tác phẩm mĩ thuật.  - GV gợi mở, nêu câu hỏi giúp HS nhận ra chấm được họa sĩ sử dụng.  – Tóm tắt nội dung HS chia sẻ, kết hợp giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm và họa sĩ Sơ- rát.  – Giới thiệu thêm một số bức tranh của HS, họa sĩ.  – GV tóm tắt nội dung quan sát,  + Trong thiên nhiên, trong cuộc sống có nhiều hình ảnh biểu hiện chấm.  + Có thể sử dụng các chấm để tạo các sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật hoặc trang trí làm đẹp cho các đồ dùng, đồ vật theo ý thích.  - GV sử dụng câu hỏi nêu vấn đề, gợi mở,.. để kích thích HS tham gia thực hành, sáng tạo.  **2. Thực hành, sáng tạo**  **2.1. Tìm hiểu cách tạo chấm và sử dụng chấm để tạo nét, tạo hình.**  \* Tổ chức HS tìm hiểu cách tạo chấm  – Hướng dẫn HS quan sát một số cách tạo chấm (trang 16, SGK) và trả lời câu hỏi trong SGK.  – Giới thiệu cách tạo chấm, kết hợp thị phạm, giảng giải và tương tác với HS.  *– Gợi nhắc HS*: Có thể tạo chấm bằng các cách khác nhau.  – Tổ chức HS tạo chấm và thể hiện trên vở Thực hành Mĩ thuật (trang 8).  *\** Tổ chức HS tìm hiểu sử dụng chấm để tạo nét, tạo hình  – Tổ chức HS quan sát và gợi mở nhận ra các chấm sắp xếp tạo nét tạo hình trong SGK trang 16 và hình ảnh do GV chuẩn bị và yêu cầu HS nhận ra cách sắp xếp  + Chấm tạo nét xoắn ốc,  + Chấm tạo nét lượn sóng,  + Nét tạo hình tròn.  –Gợi mở rõ hơn cách tạo nét, tạo hình từ chấm.  + Nét lượn sóng, nét xoắn ốc  + Hình tròn  –GV giới thiệu thêm cách tạo chấm bằng cách vẽ hoặc in các vật có hình dạng khác nhau.  **2.2. Thực hành, sáng tạo**  – Bố trí HS ngồi theo nhóm (6HS).  – Giao nhiệm vụ cho HS: Sử dụng chấm để tạo nét hoặc hình theo ý thích.  – Lưu ý HS: lựa chọn màu vẽ hoặc giấy màu để thực hành sử dụng chấm tạo nét hoặc hình; có thể tạo chấm có kích thước, màu sắc theo ý thích.  – Quan sát, hướng dẫn và có thể hỗ trợ HS thực hành.  – Gợi mở nội dung HS trao đổi/thảo luận trong thực hành.  **3. Cảm nhận, chia sẻ**  – Hướng dẫn HS trưng bày sản phẩm  – Gợi mở HS giới thiệu:  + Tên nét hoặc hình đã tạo được bằng chấm  + Màu sắc, kích thước của các chấm ở sản phẩm.  + Chia sẻ cảm nhận về sản phẩm.  **3.Củng cố và nói tiếp (5 phút)**  – Nhận xét kết quả thực hành, ý thức học, chuẩn bị bài của HS, liên hệ bài học với thực tiễn.  – Gợi mở nội dung tiết 2 của bài học và hướng dẫn HS chuẩn bị. | - Lớp trưởng báo cáo sĩ số. Tổ trưởng báo cáo phần chuẩn bị.  - HS quan sát.  - HS trả lời  - HS nhắc lại tựa bài.  - Thảo luận nhóm 6 HS.  - Thảo luận: Tìm chấm ở các hình ảnh trang 14 theo gợi mở của GV  – Đại diện các nhóm HS trình bày. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  – Quan sát lớp học, tìm chấm.  – Quan sát, đọc tên một số màu sắc của chấm trên đồ vật.  – Quan sát, trả lời câu hỏi của GV.(Sử dụng chấm để tạo hình bông hoa hướng dương trong tranh. Nhận xét câu trả lời của bạn.  – Thảo luận: nhóm 4 HS  – Đại diện nhóm HS trả lời.( Chấm được sử dụng để thể hiện tán lá cây, thảm cỏ, mặt đất, trang phục (váy, mũ, áo…), con vật, … trong bức tranh.). Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  – Quan sát, lắng nghe.  – Quan sát, trả lời..  – Quan sát, suy nghĩ và trả lời câu hỏi  – Quan sát  – Một số HS tham gia cùng GV  – HS tạo chấm  – Quan sát hình ảnh SGK, trang 16.  – Suy nghĩ, thảo luận, trả lời câu hỏi của GV  –Lắng nghe.  – Vị trí ngồi thực hành theo cơ cấu nhóm: 6 HS  – Tạo sản phẩm cá nhân  – Tập đặt câu hỏi cho bạn, trả lời, thảo luận, chia sẻ trong thực hành.  – Trưng bày sản phẩm theo nhóm  – Giới thiệu sản phẩm của mình  – Chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của mình/của bạn  - Lắng nghe. Có thể chia sẻ suy nghĩ. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Tiếng Việt – Lớp 1G**

**Tên bài học: Bài 10 ê, l – Tiết 25 + 26**

**Thời gian thực hiện: ngày 23 tháng 9 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết các âm và chữ **i, ia;** đánh vần, đọc đúng tiếng có **i, ia** với mô hình “âm đầu + âm chính”, “âm đầu + âm chính + thanh”: **bi, bia**.

- Nhìn tranh ảnh minh hoạ, phát âm và tự phát hiện tiếng có âm **i**, âm **ia**.

- Đọc đúng bài Tập đọc **Bé Bi, bé Li**.

- Biết viết các chữ **i, ia**; các tiếng **bi, bia**, các chữ số 4, 5 (trên bảng con).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên: Máy chiếu/Ti vi

b. Học sinh: Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập một; Bộ đồ dùng thực hành Tiếng Việt 1

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Tiết 1** | |
| **1. Khởi động: (5 phút)**  - Ổn định  - GV giới thiệu bài học về âm và chữ i, ia.  - GV chỉ từng chữ cho HS (cá nhân, cả lớp) nhắc lại.  - GV giới thiệu chữ I in hoa.  **2. Hình thành kiến thức mới (12 phút)**  **Chia sẻ và khám phá(BT 1: Làm quen)**  **2.1.Âm i và chữ i** .  - GV chỉ hình các viên bi, hỏi: Đây là gì?  - GV viết b, viết i.  - Phân tích tiếng bi.  - Cho HS đọc  **2.2. Âm ia và chữ ia**  - GV chỉ hình bia đá: Đây là các tấm bia ghi tên các tiến sĩ thời xưa.  - GV viết b, viết ia.  - Phân tích tiếng bia gồm có âm b đứng trước, âm ia đứng sau.  **3. Luyện tập thực hành (18 phút)**  **3.1. Mở rộng vốn từ (BT 2: Tiếng nào có âm i?** **Tiếng nào có âm ia?)**  - GV nêu yêu cầu  - GV chỉ hình  **3.2. Tập đọc (BT 3)**  a) GV chỉ hình, giới thiệu bài đọc kể về anh em bé Bi, bé Li (Li là em gái Bi).  b) GV đọc mẫu từng lời dưới tranh, giới thiệu tình huống  Tranh 1: Bé Li bi bô: - Bi, Bi. (Li đang đi chập chững, giơ hai tay gọi anh. Giải nghĩa từ bi bô: nói chưa sõi, lặp đi lặp lại một số âm).  Tranh 2: Bé ạ đi. (Bi nói bé hãy —ạ” anh đi).  Tranh 3: Nghe anh nói vậy, bé Li ngoan ngoãn “ạ” lia lịa nên bị ho. (Thấy bé ho, vẻ mặt Bi lo lắng. Giải nghĩa từ lia lịa: liên tục, liên tiếp, rất nhanh).  Tranh 4: Bi dỗ bé. (Bi thương em, ôm em vào lòng, dỗ em).  c) Luyện đọc từ ngữ: ): **bi bô, lia lịa, bị ho, dỗ bé.** | - Hát  - HS nhắc lại đề bài  - Cả lớp chú ý lắng nghe  - HS trả lời: các viên bi  - HS: b, i; đọc: bi. HS (cá nhân, cả lớp): bi.  - HS (cá nhân, tổ, cả lớp) nhìn mô hình: **bờ - i - bi / bi.**  - HS: b, ia; đọc: bia. HS (cá nhân, cả lớp): **bia**.  - HS nhìn mô hình, đánh vần và đọc trơn: **bờ - ia - bia / bia.**  \* HS nói lại chữ, tiếng vừa học: **i, ia; bi, bia;** ghép trên bảng cài chữ **i,** chữ **ia.**  - 1 HS nói, sau đó cả lớp nói: bí, ví, chỉ, mía, đĩa, khỉ. / HS làm bài trong VBT, báo cáo: Tiếng có âm ỉ: bí, ví, chỉ, khỉ. Tiếng có âm ia: mía, đĩa. / GV chỉ hình, cả lớp nói kết quả: Tiếng bí có âm i... Tiếng mía có âm ia...  - HS nói 3 - 4 tiếng ngoài bài có âm i (chị, phi, thi, nghỉ,...); có âm ia (chia, kia, phía, tỉa,...).  - HS lắng nghe  - HS (cá nhân, cả lớp) đánh vần, đọc trơn các từ ngữ (được tô màu hoặc gạch chân) |
| **Tiết 2** | |
| **3.2.Tập đọc (tt) (15 phút)**  d) Luyện đọc từng lời dưới tranh  - GV: Bài có 4 tranh và lời dưới 4 tranh.  - (Đọc vỡ từng câu) GV chỉ từng chữ trong tên bài cho cả lớp đọc thầm, sau đó 1 HS đọc, cả lớp đọc. Làm tương tự với từng lời dưới tranh.  - GV sửa lỗi phát âm cho HS, nhắc HS nghỉ hơi sau dấu chấm, dấu hai chấm dài hơn sau dấu phẩy.  e) Thi đọc đoạn, bài (theo cặp / tổ)  g) Tìm hiểu bài đọc (lướt nhanh)  - GV: Qua bài đọc, em hiểu điều gì? (Bé Li rất yêu anh Bi. Bi rất yêu em bé. / Anh em Bi rất thân nhau, yêu quý nhau).  \* Cả lớp đọc lại nội dung bài 13; đọc cả 7 chữ học trong tuần (cuối trang 28).  3.3. Tập viết(bảng con - BT 4) (15 phút)  a) Cả lớp đọc trên bảng các chữ, tiếng, chữ số: i, ia, bi, bia; 4, 5.  b)Tập viết các chữ, tiếng: i, ia, bi, bia  - GV vừa viết từng chữ mẫu trên bảng lớp vừa hướng dẫn:  + Chữ i: cao 2 li, gồm một nét hất, 1 nét móc ngược; dấu chấm (.) đặt trên đầu nét móc.  + Chữ ia: viết chữ i trước, chữ a sau, chú ý nét nối giữa i và a.  + Tiếng bi: viết chữ b (cao 5 li), chữ i, chú ý nét nối giữa b và i.  + Tiếng bia: viết chữ b, viết tiếp ia.  c) Tập viết các chữ số: 4, 5  - GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn:  + Số 4: cao 4 li; có 3 nét: nét 1 thẳng xiên, nét 2 thẳng ngang, nét 3 thẳng đứng. + Số 5: cao 4 li; có 3 nét: nét 1 thẳng ngang, nét 2 thẳng đứng, nét 3 cong phải.  **4. Củng cố và nối tiếp: (5 phút)**  - Các em vừa học hai chữ mới là chữ gì?  - Các em vừa học tiếng mới là tiếng gì?  - Nhận xét tiết học  - Chuẩn bị bài sau | - 2HS thực hiện từng HS, sau đó từng cặp tiếp nối nhau đọc lời dưới 4 tranh .  - Các cặp, tổ thi đọc từng đoạn (mỗi cặp / tổ đọc lời dưới 2 tranh).  - Các cặp, tổ thi đọc cả bài.  -1 HS đọc cả bài.Cả lớp đọc đồng thanh  - HS trả lời  - Cả lớp đọc  - HS chú ý theo dõi  - HS viết bảng con: i, ia (2 lần). Sau đó viết: bi, bia (2 lần).  - Hs chú ý theo dõi.  - HS viết trên bảng con: 4, 5 (2 lần).  - HS trả lời  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Đạo đức – Lớp 1G**

**Tên bài học: Gọn gàng, ngăn nắp (Tiết 1) – Tiết 3**

**Thời gian thực hiện: ngày 23 tháng 9 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Học xong bài này, HS cần đạt được các yêu cầu sau:

- Nêu được một số biểu hiện của gọn gàng, ngăn nắp trong học tập và sinh hoạt.

- Biết ý nghĩa của gọn gàng, ngăn nắp trong học tập, sinh hoạt.

- Thực hiện được hành vi gọn gàng, ngăn nắp nơi ở, nơi học

- Năng lực: Năng lực tự chủ, tự học; năng lực giảu quyết vấn đề và sáng tạo; năng lực giao tiếp và hợp tác

- Phẩm chất: yêu nước; chăm chỉ, trách nhiệm, nhân ái

\* Tích hợp Giáo dục lý tưởng CM, ĐĐ, LS cho HSTH: Nêu được một số biểu hiện của sinh hoạt nền nếp

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên: tranh có hình đồ vật di chuyển được để thực hiện Hoạt động 2 của phần Luyện tập (nếu có điều kiện).

b. Học sinh: Một bộ quần, áo/1 HS cho phần Vận dụng trong giờ học.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu (3 phút)**  - GV cho HS quan sát 2 tranh trong SGK Đạo Đức 1, trang 7 và cho biết: Em thích căn phòng nào hơn? Vì sao?  - GV chia sẻ: Cô thích căn phòng thứ 2 vì rất gọn gàng, sạch sẽ  - Gv giới thiệu bài mới | - HS chia sẻ  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe |
| **2. Hình thành kiến thức mới (30 phút)**  **Hoạt động 1: Kể chuyện theo tranh “Chuyện của bạn Minh”**  **Mục tiêu: -** HS trình bày được nội dung câu chuyện  - HS được phát triển năng lực giao tiếp, năng lực sáng tạo  **Cách tiến hành** | |
| - Cho HS xem video câu chuyện: Chuyện của Minh  - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm đôi: Quan sát và mô tả việc làm của bạn Minh trong từng tranh  - GV mời 1 – 2 nhóm kể chuyện  - GV kể lại nội dung câu chuyện theo tranh | - HS theo dõi  - HS làm việc theo nhóm và kể chuyện theo từng tranh  - Đại diện 1 -2 nhóm lên kể  - HS lắng nghe |
| **Hoạt động 2: Thảo luận**  **Mục tiêu:**  - HS biết được ý nghĩa của việc sống gọn gàng, ngăn nắp trong học tập và sinh hoạt  - HS được phát triển năng lực giao tiếp và tư duy phê phán  **Cách tiến hành:** | |
| - GV gợi ý cho HS trả lời những câu hỏi theo tranh: “Chuyện của bạn Minh”:  1. Vì sao bạn Minh đi học muộn?  2. Sống gọn gàng, ngăn nắp có ích lợi gì?  - GV mời HS trình bày ý kiến  - GV kết luận: Sống gọn gàng, ngăn nắp giúp em tiết kiệm thời gian, nhanh chóng tìm được đồ dùng khi cần sử dụng, giữ gìn đồ dùng thêm bền đẹp | - HS thảo luận theo nhóm  - Một vài HS trình bày  - HS lắng nghe |
| **Hoạt động 3: Tìm hiểu biểu hiện sống gọn gàng, ngăn nắp**  **Mục tiêu:** HS nêu được các biểu hiện sống gọn gàng, ngăn nắp trong học tập và sinh hoạt  \* Tích hợp Giáo dục lý tưởng CM, ĐĐ, LS cho HSTH: Nêu được một số biểu hiện của sinh hoạt nền nếp  **Cách tiến hành** | |
| - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm đôi: Quan sát tranh SGK Đạo đức 1, trang 9 và trả lời câu hỏi:  1. Bạn trong tranh đang làm gì?  2. Việc làm đó thể hiện điều gì?  3. Em còn biết những biểu hiện sống gọn gàng, ngăn nắp nào khác?  - GV gọi các nhóm trình bày kêt quả thảo luận  - GV nhận xét  - GV nêu các biểu hiện gọn gàng, ngăn nắp sau khi HS thảo luận từng tranh:  - Tranh 1: Treo quần áo lên giá, lên mắc áo  - Tranh 2: Xếp sách vào giá sách ở thư viện sau khi đọc  - Tranh 3: Xếp giày dép vào chỗ qui định  - Tranh 4: Xếp gọn đồ chơi vào chỗ qui định (tủ, hộp)  - Tranh 5: Treo hoặc cất chổi vào chỗ qui định  - Thứ 6: Sắp xếp vở sau khi trong góc học tập ở nhà  - GV kết luận | - HS làm việc theo nhóm đôi  - HS trình bài kết quả tahro luận nhóm  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe |
| **3.Củng cố, nối tiếp (2 phút)**  - Xem lại bài để tiết sau học tiếp.  - Nhận xét tiết học | - Hs lắng nghe và thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Tự nhiên và xã hội – Lớp 1G**

**Tên bài học: Ngôi nhà của em (Tiết 2) + Tiết 5**

**Thời gian thực hiện: ngày 23 tháng 9 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

a. Năng lực đặc thù

\* Về nhận thức khoa học:

- Nói được địa chỉ nhà ở của mình.

- Nêu được một số đặc điểm về nhà ở và quang cảnh xung quanh nhà ở.

\* Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:

- Đặt được các câu hỏi tìm hiểu về 1 số đồ dùng trong gia đình.

\* Về vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:

- Làm được một số việc phù hợp để giữ nhà ở gọn gàng, ngăn nắp.

b. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Tự mang theo tranh ảnh ngôi nhà của mình để giới thiệu cùng bạn.HS tự làm được một số việc phù hợp để giữ nhà ở gọn gàng, ngăn nắp.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Khả năng sắp xếp nhà ở mát mắt,.

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Lắng nghe, chia sẻ và trình bày ý kiến.

c. Phẩm chất:

- Nhân ái: Các em yêu thích ngôi nhà của mình.

- Trách nhiệm: Có ý thức bảo vệ, giữ gìn ngôi nhà của mình.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên: Các hình trong SGK, vở Bài tập TN&XH, video/nhạc bài hát về ngôi nhà, giấy, bút màu, tranh ảnh đồ dùng trong gia đình, phiếu tự đánh giá

b. Học sinh: SGK và VBT Tự nhiên và Xã hội 1.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**Tiết 2**

**Đồ dùng trong nhà**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động (2 phút)** |  |
| - Ổn định | **- Hát** |
| **2. Hình thành kiến thức mới (10 phút)**  **Hoạt động khám phá**  **Hoạt động 3. Tìm hiểu đồ dùng trong nhà.** |  |
| Bước 1. Làm việc theo nhóm 4.  - GV trình chiếu lên bảng các hình ở trang 14 -17 SGK.   |  |  | | --- | --- | |  |  | | - HS quan sát. |
| - Y/C các nhóm quan sát và trả lời các câu hỏi gợi ý:  + Các hình thể hiện những phòng nào trong nhà ở?  + Kể tên một số đồ dùng có trong mỗi hình. Chúng được dùng để làm gì? | - Các thành viên quan sát chia sẻ thống nhất trong nhóm.  + Phòng khách, phòng ngủ, nhà bếp,...  + HS kể : Bàn ghế, tủ, ti vi, tranh,... |
| *Bước 2. Làm việc cả lớp* |  |
| - GV cho đại diện các nhóm lên chia sẻ kết quả thảo luận.  - GV cùng HS theo dõi, bổ sung | - Lần lượt đại diện các nhóm lên chia sẻ kết quả thảo luận của nhóm.  - HS nhận xét nhóm bạn |
| **3. Luyện tập, thực hành ( 20 phút)** |  |
| **Hoạt động 4. Tìm hiểu đồ dùng trong nhà em.** |  |
| Bước 1. Làm việc cá nhân  - GV hướng dẫn cách làm việc và đưa ra các câu hỏi gợi ý.  + Nhà em có mấy phòng?  + Trong từng phòng có những đồ dùng gì? | - HS làm câu 3 của Bài 2 trong VBT của mình. |
| 2. Làm việc cả lớp |  |
| - GV mời một vài bạn lên chia sẻ trước lớp.  - GV cùng HS khác nhận xét phần trình bày của các bạn. | - Lần lượt HS lên giới thiệu trước lớp về các phòng và đồ dùng trong các phòng của gia đình mình.  - HS tham gia đánh giá bạn. |
| **Hoạt động 5. Trò chơi : Đồ dùng gì?** |  |
| Bước 1. Hướng dẫn cách chơi.  - GV hướng dẫn cách chơi:  + Một HS lên bảng, GV dán 1 tranh vẽ đồ dùng sau lưng HS và HS đứng quay lưng xuống lớp để các vạn nhìn thấy tranh.  + HS đó đặt tối đa ba câu hỏi về đồ dùng trong tranh cho các bạn ở dưới lớp để đoán được đồ dùng đó.  + Dựa vào các câu trả lời của các bạn để đoán đồ dùng vẽ tranh là đồ dùng gì? | - HS lắng nghe cách chơi |
| Bước 2. Tổ chức chơi trò chơi. |  |
| - GV gọi 1 số HS lên chơi  - Yêu cầu HS dưới lớp lắng nghe và trả lời chính xác các câu hỏi. | - HS lên chơi, mỗi em đoán 1 đồ dùng khác nhau.  - HS tham gia nhiệt tình. |
| Bước 3. Nhận xét, đánh giá  - GV nhận xét tuyên dương, khen thưởng sau mỗi lần chơi.  - GV nhận xét về cách đặt câu hỏi của HS. | - Lắng nghe |
| **4. Củng cố và nối tiếp. (3 phút)**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - Về nhà cùng người thân làm công việc nhà. | - Lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**HĐTN – Lớp 1G**

**Tên bài học: Sinh hoạt dưới cờ Tìm hiểu an toàn trường học – Tiết 7**

**Thời gian thực hiện: ngày 23 tháng 9 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Yêu cầu cần đạt**

Sau hoạt động, HS có khả năng:

- Biết một số quy tắc an toàn khi tham gia giao thông.

- Có ý thức chấp hành đúng và tham gia giao thông an toàn, đặc biệt ở cổng trường.

**\* Góp phần hình thành và phát triển cho HS:**

a. Phẩm chất:

- Trách nhiệm: Tự giác thực hiện nghiêm túc một số quy tắc an toàn khi tham gia giao thông.

b. Năng lực chung:

- Giao tiếp và hợp tác*:* Bước đầu rèn kĩ năng thuyết phục bạn từ bỏ ý định thực hiện những việc không nên khi tham gia giao thông.

- Năng lực giải quyết vấn đề: Biết tham gia giao thông để xây dựng “Cổng trường an toàn giao thông”

- Trách nhiệm : Có ý thức chấp hành đúng và tham gia giao thông an toàn, đặc biệt ở cổng trường.

c. Năng lực đặc thù:

- *Năng lực thích ứng với cuộc sống:*

+ Nêu được những việc không nên khi tham gia giao thông.

+ HS có kĩ năng kiên định, từ chối thực hiện những việc không nên khi tham gia giao thông ở trường học.

**2. Đồ dùng dạy học :**

a. Nhà trường:

+ Ghế, mũ cho HS khi sinh hoạt dưới cờ.

+ Hệ thống âm thanh phục vụ hoạt động.

+ Quốc kì, hoa, cờ cầm tay, ảnh Bác Hồ, trống nghi thức.

+ Ban tổ chức sinh hoạt dưới cờ : ban chỉ huy, BGH, GV và các em HS.

+ Kịch bản chương trình sinh hoạt dưới cờ theo chủ đề “ tìm hiểu an toàn trường học”

b. Giáo viên:

+ TPT: Thành lập đội nghi lễ: đội trống, đội cờ và tập dợt các bài trống nghi thức theo quy định của Đội thiếu niên Tiền phong HCM.

+ GV Âm nhạc: Chuẩn bị nhạc chương trình văn nghệ.

+ GVCN: Nhắc nhở, đôn đốc lớp chuẩn bị tinh thần, xếp hàng và giữ trật tự.

c. Học sinh:

- Mặc đồng phục theo quy định của trường.

- Xếp hàng theo hướng dẫn của GVCN.

**3. Các hoạt động dạy học chủ yếu**

**Phần 1. Nghi lễ (5 phút)**

- Lễ chào cờ

- Lớp trực tuần tổng kết HĐ của toàn trường trong tuần vừa qua.

- TPT Đội nhận xét HĐ Đội của nhà trường.

- BGH lên nhận xét HĐ của tuần trường trong tuần qua và nêu nhiệm vụ phương hướng tuần tới.

**Phần 2: Sinh hoạt theo chủ đề “ Tìm hiểu an toàn trường học”(30 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động**  - Toàn trường hát tập thể bài hát: an toàn trên đường.  - Người điều khiển nêu ý nghĩa của buổi sinh họat và mục đích của HĐ.  **2. Triển khai sinh hoạt theo chủ đề “Tìm hiểu an toàn trường học ”.**  -Nhà trường triển khai một số nội dung phát động phong trào “An toàn trường học”, trong đó có thể thực hiện một chủ đề có liên quan đến việc đảm bảo an toàn ở trường như “Cổng trường an toàn giao thông” (có thể mời một cảnh sát giao thông hướng dẫn cho HS).  - Giới thiệu cho HS biết ý nghĩa của việc tham gia thực hiện “Cổng trường an toàn giao thông”: đảm bảo an toàn cho HS, xây dựng nhà trường văn minh, tránh gây ùn tắc ở cổng trường.  - Tuyên truyền và nhắc nhở HS một số lưu ý khi tham gia giao thông để xây dựng “Cổng trường an toàn giao thông”: xếp hàng ngay ngắn từng lớp khi ra về; để xe đúng quy định theo hàng, lối; đội mũ bảo hiểm khi ngồi sau xe mô tô, xe máy điện, xe đạp điện, nhắc nhở bố mẹ, người thân đứng đón xếp hàng theo khu vực quy định, không dừng, đỗ xe ở ngay gần cổng trường để chờ đón HS.)  **3. Củng cố và nối tiếp**  - GV TPT Đội nêu ý nghĩa của HĐ và nhắc nhở chuẩn bị cho hoạt động sinh họạt dưới cờ tuầnsau. | - HS hát to rõ và đồng thanh.  - HS chú ý lắng nghe và vỗ tay.  - HS lắng nghe.  - HS chú ý lắng nghe và cùng thực hiện.  - HS lưu ý khi thực hiện.  - HS chú ý lắng nghe. |

**4. Điều chỉnh sau bài dạy: Không**

**Tiếng Việt – Lớp 1G**

**Tên bài học: Bài 11 b, bễ - Tiết 27 + 28**

**Thời gian thực hiện: ngày 24 tháng 9 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

a) Phát triển các năng lực đặc thù – năng lực ngôn ngữ:

- Nhận biết các âm và chữ cái b; nhận biết thanh ngã, dấu ngã, đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có âm b “mô hình “âm đầu + âm chính”; “âm đầu + âm chính + thanh”.

- Nhìn hình, phát âm và tự phát hiện được tiếng có âm b, có thanh ngã.

- Đọc đúng bài tập đọc Ở bờ đê

- Biết viết trên bảng con các chữ, tiếng và chữ số: b, bễ; 2, 3.

b) Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên.

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên: Máy chiếu để minh họa từ khóa, từ trong bài tập hoặc tranh ảnh, mẫu vật, vật thật.

b. Học sinh: Vở Bài tập Tiếng Việt; Bộ đồ dùng thực hành Tiếng Việt 1.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Tiết 1** | |
| **1. Khởi động (5 phút)**  - Ổn định  - Giới thiệu bài  + Giáo viên viết lên bảng lớp tên bài và giới thiệu: Hôm nay các em sẽ học bài về âm b và chữ b; thanh ngã và dấu ngã – chữ bễ  + GV ghi chữ b, nói: bờ  + GV ghi chữ bễ, nói: bễ  + GV giới thiệu chữ B in hoa  **2. Hình thành kiến thức mới (12 phút)**  **Hoạt động . Khám phá**  **2.1.Dạy âm b và chữ cái b**  - GV đưa tranh con bê lên bảng    - Đây là con gì?  - GV chỉ tiếng bê  - GV nhận xét  **\* Phân tích**  - GV viết bảng chữ bê và mô hình chữ bê  - GV chỉ tiếng bê và mô hình tiếng bê   |  |  | | --- | --- | | **bê** | | | **b** | **ê** |   - GV hỏi: Tiếng bê gồm những âm nào?  **\* Đánh vần.**  - Giáo viên hướng dẫn cả lớp vừa nói vừa thể hiện động tác tay:  + Chập hai tay vào nhau để trước mặt, phát âm : **bê**  + Vừa tách bàn tay trái ra, ngả về bên trái, vừa phát âm: **b**  + Vừa tách bàn tay phải ra, ngả về bên phải, vừa phát âm: **ê**  + Vừa chập hai bàn tay lại, vừa phát âm: **bê.**  - GV cùng 1 tổ học sinh đánh vần lại với tốc độ nhanh dần: **bờ-ê-bê**  **2.2. Tiếng bễ**  - GV đưa tranh cái **bễ** lên bảng    - GV chỉ vào ảnh cái **bễ (lò rèn):** Đây là cái bễ ở lò rèn. Bễ dùng để thổi lửa cho to hơn, cháy mạnh hơn.  - GV chỉ tiếng **bễ.** Giới thiệu đây là tiếng **bễ.**  - Tiếng **bễ** khác **bê** ở điểm nào?  - GV: đó là dấu ngã  - GV đọc: **bễ**  **\* Phân tích**  - GV viết bảng chữ bễ và mô hình chữ bễ  - GV chỉ tiếng bễ và mô hình tiếng bễ   |  |  | | --- | --- | | **b** | **ê** |   - GV hỏi: Tiếng bễ gồm những âm nào?  **\* Đánh vần.**  - Giáo viên hướng dẫn cả lớp vừa nói vừa thể hiện động tác tay:  + Chập hai tay vào nhau để trước mặt, phát âm: **bễ**  + Vừa tách bàn tay trái ra, ngả về bên trái, vừa phát âm: **bê**  + Vừa tách bàn tay phải ra, ngả về bên phải, vừa phát âm: **ngã**  + Vừa chập hai bàn tay lại, vừa phát âm: **bễ**.  - GV cùng 1 tổ học sinh đánh vần lại với tốc độ nhanh dần: **bờ-ê-bê -ngã –bễ**  **\* Củng cố:**  - Các em vừa học chữ mới là chữ gì?  - Các em vừa học tiếng mới là tiếng gì?  - GV chỉ mô hình tiếng **bê, bễ**  **3. Luyện tập thực hành (18 phút)**  **3.1. Mở rộng vốn từ. (BT2: Tiếng nào có âm b (bờ)**  a. Xác định yêu cầu.  - GV nêu yêu cầu của bài tập : Các em nhìn vào SGK trang 24 (GV giơ sách mở trang 24 cho HS quan sát) rồi nói to tiếng có âm b. Nói thầm (nói khẽ) tiếng không có âm b.  b. Nói tên sự vật  - GV chỉ từng hình theo số thứ tự mời học sinh nói tên từng sự vật.  - GV chỉ từng hình yêu cầu cả lớp nói tên tên từng sự vật.  c. Báo cáo kết quả.  - GV cho từng cặp học sinh báo cáo kết quả theo nhóm đôi.  - GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn, bất kì, mời học sinh báo cáo kết quả.  - GV cho HS làm bài vào vở Bài tập  - GV đố học sinh tìm 3 tiếng có âm ê (Hỗ trợ HS bằng hình ảnh)  **3.2. Mở rộng vốn từ. (BT3: Tiếng nào có thanh ngã.**  a. Xác định yêu cầu.  - GV nêu yêu cầu của bài tập : Các em nhìn vào SGK trang 25 (GV giơ sách mở trang 25 cho HS quan sát) rồi nói to tiếng có thanh ngã. Nói thầm (nói khẽ) tiếng không có thanh ngã.  b. Nói tên sự vật  - GV chỉ từng hình theo số thứ tự mời học sinh nói tên từng sự vật, hoạt động.  - GV chỉ từng hình yêu cầu cả lớp nói tên tên từng sự vật.  c. Báo cáo kết quả.  - GV cho từng cặp học sinh báo cáo kết quả theo nhóm đôi.  - GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn, bất kì, mời học sinh báo cáo kết quả.  - GV cho HS làm bài vào vở Bài tập  - GV đố học sinh tìm 3 tiếng có âm ê (Hỗ trợ HS bằng hình ảnh)  **3.3. Tập đọc. (Bài tập 4)**  a. Giới thiệu bài  - GV trình chiếu hình ảnh bài tập đọc lên bảng    - GV chỉ 3 hình ảnh minh họa và hỏi: Đây là hình ảnh những con vật gì?  - GV : Bài đọc nói về con dê, con dế, con bê ở bờ đê.  - GV chỉ từng hình mời học sinh nói tên các con vật.  - Các em cùng nghe xem các con vật làm gì ở bờ đê nhé  b. Đọc mẫu.  - GV đọc mẫu 1-2 lần  c. Luyện đọc từ ngữ.  - GV chỉ các từ bờ đê, la cà, có dế, có cả bê, be be trong bài đọc trên bảng  - GV giải nghĩa :  + Bờ đê : bờ đất cao chạy dài dọc theo hai bên bờ sông, bờ biển để ngăn nước ngập.  + La cà: đi chỗ nọ chỗ kia  + Be be : từ mô phỏng tiếng kêu của con dê. | - Hát  - Lắng nghe  - 4 - 5 em, cả lớp : “bờ”  - Cá nhân, cả lớp : “bễ”  - HS quan sát  - HS : Đây là con **bê**  - HS nhận biết **b, ê = bê**  - HS đọc cá nhân-tổ-cả lớp: **bê**  - Theo dõi  - HS trả lời nối tiếp: Tiếng bê gồm có âm **b** và âm **ê**. Âm **b** đứng trước và âm **ê** đứng sau  - Quan sát và cùng làm với GV  - HS làm và phát âm cùng GV  - HS làm và phát âm cùng GV  - HS làm và phát âm cùng GV  - HS làm và phát âm cùng GV  - HS làm và phát âm cùng GV theo từng tổ.  - Cá nhân, tổ nối tiếp nhau đánh vần: **bờ-ê-bê**  - Cả lớp đánh vần: **bờ-ê-bê**  - HS quan sát  - HS theo dõi, quan sát  - HS nhận biết **bễ**  - Tiếng bễ khác tiếng bê là có thêm dấu.  - HS đọc cá nhân-tổ-cả lớp: **bễ**  - Theo dõi  - HS trả lời nối tiếp: Tiếng bễ gồm có âm b và âm ê và thanh ngã. Âm b đứng trước và âm ê đứng sau.  - Quan sát và cùng làm với GV  - HS làm và phát âm cùng GV  - HS làm và phát âm cùng GV  - HS làm và phát âm cùng GV  - HS làm và phát âm cùng GV  - HS làm và phát âm cùng GV theo từng tổ.  - Cá nhân, tổ nối tiếp nhau đánh vần: **bờ-ê-bê-ngã- bễ**  - Cả lớp đánh vần: **bờ-ê-bê-ngã- bễ, bễ**  - Chữ **b**  - Tiếng **bê**  - HS đánh vần, đọc trơn: **bờ-ê-bê, bê ; bờ-ê-bê-ngã- bễ**  - Học sinh lắng nghe yêu cầu và mở sách đến trang 24.  - HS lần lượt nói tên từng con vật: bò, lá, bàn, búp bê, bóng, bánh  - HS nói đồng thanh  + HS 1 chỉ hình 1 - HS 2 nói: **bê** có âm **b**  + HS 1 chỉ hình 2 - HS 2 nói: **lá** không có âm **b**  + HS 1 chỉ hình 3- HS 2 nói: **bàn** có âm **b**  + HS 1 chỉ hình 4 - HS 2 nói: **búp bê** có âm **b**  + HS 1 chỉ hình 5 - HS 2 nói: **bóng** có âm **b**  + HS 1 chỉ hình 6 - HS 2 nói: **bánh** có âm **b**  - HS báo cáo cá nhân  - HS cả lớp nối hình với âm tương ứng.  - HS nói (bố, bé, bế,...)  - Học sinh lắng nghe yêu cầu và mở sách đến trang 25.  - HS lần lượt nói tên từng con vật: vẽ, đũa, quạ, sữa, võ, nhãn  - HS nói đồng thanh  + HS 1 chỉ hình 1 – HS 2 nói: **vẽ** có thanh **ngã.**  + HS 1 chỉ hình 2 – HS 2 nói: **đũa** có thanh **ngã**.  + HS 1 chỉ hình 3 – HS 2 nói: **quạ** không có **thanh ngã.**  + HS 1 chỉ hình 4 – HS 2 nói: **sữa** có thanh **ngã.**  + HS 1 chỉ hình 5 – HS 2 nói: **võ** có thanh **ngã**.  + HS 1 chỉ hình 6 – HS 2 nói: **nhãn** có thanh **ngã.**  - HS báo cáo cá nhân  - HS cả lớp nối hình với thanh ngã tương ứng.  - HS nói **(ngã, kẽ, dễ,...)**  - HS theo dõi, quan sát  - HS quan sát và trả lời: Tranh 1: con dê; tranh 2: con dế; tranh 3: con bê  - HS theo dõi  - HS nhắc lại : dê, dế, bê  - HS nghe  - HS đánh vần, đọc trơn các từ GV chỉ  - Lắng nghe |
| **Tiết 2** | |
| d. Luyện đọc từng câu, từng lời dưới tranh.  - GV chỉ từng câu và giới thiệu: Bài đọc có 3 tranh và 4 câu (tranh 3 có 2 câu)  - GV đánh số thứ tự từng câu trong bài trên bảng.  - GV : Các em đọc thầm tên bài, đọc từng câu theo tay cô chỉ.  - GV chỉ chậm từng tiếng trong tên bài  - GV chỉ chậm từng tiếng trong câu dưới tranh 1.  - GV chỉ chậm từng tiếng trong câu dưới tranh 2.  - GV chỉ chậm từng tiếng trong câu dưới tranh 3.  - GV cho HS đọc  - GV chỉ vài câu theo thứ tự đảo lộn  e. Thi đọc cả bài  - Cho HS làm việc nhóm đôi  - GV tổ chức cho học sinh thi đọc theo cặp.  - GV cùng học sinh nhận xét  - GV tổ chức cho học sinh thi đọc theo tổ.  - GV cùng học sinh nhận xét  g. Tìm hiểu bài đọc  - GV cho HS tìm hiểu nội dung bài đọc qua 1 số câu hỏi gợi ý:  + Con gì la cà ở bờ đê?  + Dê gặp những con gì?  + Con bê kêu thế nào?  \* GV cho HS đọc lại những gì vừa học ở bài 11  **3.4. Tập viết (Bảng con – BT 5) (15 phút)**  - Cho HS đọc các chữ mẫu cần viết trong bài tập 5  a. Viết: b, bê, bễ  \* Chuẩn bị.  - Yêu cầu HS lấy bảng con. GV hướng dẫn học sinh cách lấy bảng, cách đặt bảng con lên bàn, cách cầm phấn khoảng cách mắt đến bảng (25 -30 cm), cách giơ bảng, lau bảng nhẹ nhàng bằng khăn ẩm để tránh bụi.  \* Làm mẫu.  - GV giới thiệu mẫu chữ viết thường **b, bê, bễ cỡ** vừa.  - GV chỉ bảng chữ **b**  - GV vừa viết mẫu từng chữ và tiếng trên khung ô li phóng to trên bảng vừa hướng dẫn quy trình viết:    + Chữ b: Cao 5 li, rộng 1,5 li, gồm 3 nét:nét khuyết xuôi, nét móc ngược và nét xoắn: Đặt bút trên đường kẻ 2, viết nét khuyết xuôi. Đầu nét khuyết chạm vào đường kẻ 6, nối liền với nét móc ngược phải. Chân nét móc chạm đường kẻ 1, kéo dài chân nét móc tới đường kẻ 3 thì lượn sang trái. Tới đường kẻ 3 thì lượn bút trở lại sang phải, tạo vòng xoắn nhỏ ở cuối nét. Dừng bút ở gần đường kẻ 3.  + Tiếng **bê**: viết chữ **b** trước chữ **ê** sau, chú ý nối giữa chữ **b** với chữ **ê**.  + Tiếng **bễ**: viết chữ **b** trước chữ **ê** sau, chú ý nối giữa chữ **b** với chữ **ê**. Dấu ngã là 1 nét lượn lên xuống từ trái sang phải  b. Viết: 2, 3  \* Chuẩn bị.  - Yêu cầu HS lấy bảng con. GV hướng dẫn học sinh cách lấy bảng, cách đặt bảng con lên bàn, cách cầm phấn khoảng cách mắt đến bảng (25-30 cm), cách giơ bảng, lau bảng nhẹ nhàng bằng khăn ẩm để tránh bụi.  \* Làm mẫu.  - GV giới thiệu mẫu số 2, 3 cỡ vừa.  - GV chỉ bảng số 2, 3  - GV vừa viết mẫu từng chữ số trên khung ô li phóng to trên bảng vừa hướng dẫn quy trình viết    + Số 2: Cao 4 li, gồm 2 nét:nét 1 là kết hợp của 2 nét cơ bản: cong trên và thẳng xiên, nét 2 là thẳng ngang.    + Số 3: Cao 4 li, gồm 3 nét:nét 1 thẳng ngang, nét 2 thẳng xiên, nét 3 cong phải  c. Thực hành viết  - Cho HS viết trên khoảng không  - Cho HS viết bảng con  - Cho học sinh viết bê, bễ  - Cho học sinh viết số 2, 3  d. Báo cáo kết quả  - GV yêu cầu HS giơ bảng con  - GV nhận xét  - Cho HS viết chữ bê, bễ, số 2, 3  - GV nhận xét | - HS đếm số câu theo sự chỉ dẫn của GV.  - HS theo dõi  - HS đọc  - HS theo dõi  - HS đọc (cả lớp đọc thầm-cá nhân-cả lớp).  - HS đọc (cả lớp đọc thầm-cá nhân-cả lớp).  - HS đọc (cả lớp đọc thầm-cá nhân-cả lớp).  - HS đọc tiếp nối theo nhóm, cặp:  + Từng HS tiếp nối nhau đọc từng lời dưới tranh: HS 1 đọc tên bài và câu 1, các bạn khác tự đứng lên đọc tiếp nối.  + 3 cặp HS tiếp nối đọc lời dưới 3 bức tranh.  - Một vài HS đọc  - Từng cặp nhìn SGK cùng luyện đọc  - Từng cặp lên thi đọc cả bài  - Các tổ lên thi đọc cả bài  - Lắng nghe và trả lời câu hỏi:  + Con dê la cà ở bờ đê.  + Dê gặp con dế, con dê.  + Con dê kêu “be be”.  \* Cả lớp nhìn SGK đọc  - HS đọc (cá nhân-tập thể)  - HS lấy bảng, đặt bảng, lấy phấn theo yêu cầu của GV  - HS theo dõi  - HS đọc  - HS theo dõi  - HS lấy bảng, đặt bảng, lấy phấn theo yêu cầu của GV  - HS theo dõi  - HS đọc  - HS theo dõi  - HS viết chữ b, ê và tiếng bê; số 2, 3 lên khoảng không trước mặt bằng ngón tay trỏ.  - HS viết bài cá nhân trên bảng con chữ b, ê từ 2-3 lần.  - HS viết bài cá nhân trên bảng chữ bê, bễ từ 2-3 lần.  - HS viết bài cá nhân trên bảng số 2, 3 từ 2-3 lần  - HS giơ bảng theo hiệu lệnh.  - 3-4 HS giới thiệu bài trước lớp  - HS khác nhận xét  - HS xóa bảng viết 2-3 lần  - HS giơ bảng theo hiệu lệnh.  - HS khác nhận xét |
| **4. Củng cố và nối tiếp: (5 phút)**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - Về nhà đọc lại bài tập đọc cùng người thân, xem trước bài 12  - GV khuyến khích HS tập viết chữ b, ê trên bảng con | - Lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Tiếng Việt – Lớp 1G**

**Tên bài học: Sau bài 10, 11 - Tiết 29**

**Thời gian thực hiện: ngày 24 tháng 9 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Tô, viết đúng các chữ ê, l, bvà các tiếng lê, bễ - chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét, dãn đúng khoảng cách giữa các con chữ.

- Tô, viết đúng các chữ số 2,3.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên:Các chữ mẫu ê, l, b, các chữ số 2,3 đặt trong khung chữ.

b.Học sinh: Vở luyện viết, bảng con

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động (5 phút)**  - Giới thiệu bài: GV nêu MĐYC của bài học.  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới (25 phút)**  **Luyện tập**  a) Cả lớp đọc trên bảng các chữ, tiếng, chữ số: ê, l, lê, b, bê, bễ, 2, 3  b) Tập tô, tập viết: ê, l, lê  - GV vừa viết mẫu lần lượt từng chữ, tiếng, vừa hướng dẫn:  + Chữ ê; cao 2 li, như chữ e nhưng có thêm dấu mũ  + Chữ l; cao 5 li; viết liền một nét. Cách viết: đặt bút trên ĐK 2, viết nét khuyết xuôi (đầu khuyết chạm ĐK 6), đến gần ĐK 2 thì viết tiếp nét móc ngược); dừng bút ở ĐK 2.  + Tiếng lê: Viết chữ l trước, chữ ê sau, chú ý nét nối giữa l và ê.  - HS viết l, ê, lê (2 lần)  c) Tập tô, tập viết: b, bê, bễ  - GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn:  + Chữ b: cao 5 li; gồm 3 nét: nét khuyết xuôi, nét móc ngược và nét thắt. Cách viết: đặt bút trên ĐK 2, viết nét khuyết xuôi cao 5 ô li, rộng 1 ô li. Đưa bút ngược lại theo theo thân nét khuyết xuôi, đến đường kẻ 2 nối liền với nét móc ngược và nét thắt; dừng bút gần ĐK 3.  + Tiếng bê: gồm chữ b trước, chữ ê sau; chú ý nét nối giữa b và ê.  + Tiếng bễ: viết bê, đặt dấu ngã trên chữ ê  - Cho HS viết b, bê, bễ  d) Tập tô, tập viết chữ số: 2, 3  - GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn:  + Số 2: cao 4 li. Nét 1 là kết hợp của 2 nét cơ bản: cong phải và thẳng xiên. Nét 2 là thẳng ngang.  + Số 3: cao 4 li; gồm 3 nét. Nét 1: thẳng ngang, nét 2: thẳng xiên  - Cho HS viết  **3. Củng cố và nối tiếp: (5 phút)**  – GV tuyên dương, khen thưởng những học sinh viết nhanh, viết đúng, viết đẹp.  - Nhắc nhở, động viên những học sinh chưa viết xong tiếp tục hoàn thành.  - Chuẩn bị bài sau | - HS thực hiện  - 1 HS nhìn bảng, đọc: ê, l, lê nói cách viết, độ cao các con chữ.  - HS tô, viết các chữ, tiếng b, bê, bễ.  - HS tô, viết các chữ, tiếng b, bê, bễ.  - HS tô, viết các chữ số: 2,3 trong vở Luyện viết 1, tập một. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Toán – Lớp 1G**

**Tên bài học: Luyện tập – Tiết 8**

**Thời gian thực hiện: ngày 24 tháng 9 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết được số lượng trong phạm vi 10. Biết đọc, viết các số trong phạm vi 10, thứ tự vị trí của mỗi số trong dãy số từ 0 – 10.

- Lập được các nhóm có đến 10 đồ vật.

- Nhận dạng và gọi đúng tên hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật.

- Thông qua các hoạt động : đếm số lượng nêu số tương ứng hoặc với mỗi số lấy tương ứng số lượng đồ vật. Học sinh có cơ hội được phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học.

-Thông qua việc tìm quy luật xếp hình đơn giản, liên hệ thực tế tìm những con vật có 2 chân, 4 chân,… Học sinh có cơ hội được phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên: Bộ đồ dùng Toán 1

b. Học sinh: Vở, SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. khởi động (3 phút)**  \* Trò chơi : Tôi cần, tôi cần.  - Giáo viên hướng dẫn cách chơi: chọn 2-3 đội chơi, mỗi đội 3-5 người chơi. Quản trò nêu yêu cầu. Chẳng hạn: “Tôi cần 3 cái bút chì”. Nhóm nào lấy đủ 3 chiếc bút chì nhanh nhất được 2 điểm. Nhóm nào được 10 điểm trước sẽ thắng cuộc.  - GV cho học sinh chơi thử.  - GV cho học sinh chơi  **2. Các hoạt động chủ yếu ( 30 phút)**  **Hoạt động 1: thực hành luyện tập.**  **Bài 1.** Mỗi chậu có mấy bông hoa?  - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh làm việc cá nhân.  - Gọi HS lên chia sẻ trước lớp.  **Bài 2.** Trò chơi “Lấy cho đủ số hình”  - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV hướng dẫn HS cách chơi: Chia lớp thành các nhóm 4. 2 bạn lấy ra 2 số trong phạm vi 10, 2 bạn còn lại lấy ra số đồ vật tương ứng có trong bộ đồ dùng học toán.  Sau đó đổi vai. Bạn nào làm nhanh và đúng bạn đó chiến thắng.  - GV cho học sinh chơi theo nhóm bốn  - GV cho HS lần lượt lên chia sẻ kết quả  - GV cùng HS nhận xét tuyên dương  **Bài 3.** Số ?  - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh làm bài cá nhân  - GV tổ chức cho học sinh đọc các số trong bài  - GV cùng HS nhận xét tuyên dương  **Hoạt động 2: vận dụng,trải nghiệm**  **Bài 4.** Đếm số chân của mỗi con vật sau.  - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh chơi trò chơi: Đố bạn  - GV phổ biến luật chơi: Một bạn lên chỉ vào hình các con vật chỉ định 1 bạn bất kì nói số chân của con vật đó.  - GV cho HS chơi thử  - GV cho HS chơi  - GV cùng HS nhận xét.  Bài 3. Tìm hình phù hợp.  - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh làm bài cá nhân  - GV tổ chức cho học sinh lên báo cáo kết quả  - GV cùng HS nhận xét tuyên dương  **3.Củng cố và nối tiếp ( 2 phút)**  - Bài học hôm nay, em biết thêm điều gì?  - Từ ngữ toán học nào em cần chú ý?  - Về nhà em cùng người thân tìm thêm các ví dụ có số 10 trong cuộc sống để hôm sau chia sẻ với các bạn.  - Nhận xét. Tuyên dương | - HS nghe hướng dẫn chơi  - HS chơi thử.  - HS chơi  - 2 - 3 học sinh nhắc lại yêu cầu bài  - HS đếm số bông hoa và trả lời  + Chậu hoa mầu hồng có 10 bông hoa.  + Chậu hoa mầu xanh có 9 bông hoa.  + Chậu hoa mầu vàng không có bông hoa nào.  - Một vài HS lên chia sẻ.  - HS đánh giá sự chia sẻ của các bạn.  - 2 - 3 học sinh nhắc lại yêu cầu.  - Lắng nghe  - HS chơi trong vòng 5 phút  - HS báo cáo kết quả làm việc.  - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu  - HS tìm quy luật rồi điền các số còn thiếu vào ô trống.  - HS đọc  - 2 - 3 học sinh nhắc lại yêu cầu  - HS lắng nghe  - HS quan sát và kể số chân con vật được chỉ định  - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu  - HS tìm quy luật rồi xác định hình phù hợp vào ô trống.  - HS nêu kết quả  a. Tam giác màu đỏ  b. hình chữ nhật màu xanh, hình chữ nhật màu vàng |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Tiếng Việt – Lớp 1G**

**Tên bài học: Bài 12 g, h – Tiết 30 + 31**

**Thời gian thực hiện: ngày 25 tháng 9 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

a) Phát triển các năng lực đặc thù – năng lực ngôn ngữ:

- Nhận biết các âm và chữ cái g, h; đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có âm g, h “mô hình “âm đầu + âm chính”; “âm đầu + âm chính + thanh”: ga, hồ

- Nhìn hình, phát âm và tự phát hiện được tiếng có âm g, âm h

- Đọc đúng bài tập đọc Bé Hà, bé Lê

- Biết viết trên bảng con các chữ g, h, tiếng ga, hồ

b) Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên.

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên: Máy chiếu để minh họa từ khóa, từ trong bài tập hoặc tranh ảnh, mẫu vật, vật thật.

b. Học sinh: Vở Bài tập Tiếng Việt; Bộ đồ dùng thực hành Tiếng Việt 1

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Tiết 1** | |
| **1. Khởi động (5 phút)**  - Ổn định  - Giới thiệu bài  + Giáo viên viết lên bảng lớp tên bài và giới thiệu: Hôm nay các em sẽ học bài về âm g và chữ g (gờ); âm h và chữ h (hờ)  + GV ghi chữ g, nói: gờ  + GV ghi chữ h, nói: hờ  + GV giới thiệu chữ G, H in hoa  **2. Hình thành kiến thức mới (12 phút)**  **Khám phá**  **2.1. Dạy âm g và chữ g**  - GV đưa tranh nhà ga lên bảng    - Đây là ở đâu?  - GV chỉ tiếng **ga**  - GV giải nghĩa: **ga**/nhà **ga** là bến đỗ, nơi xuất phát của các đoàn tàu.  \* Phân tích  + Phân tích tiếng **ga**  - GV viết bảng chữ ga và mô hình chữ **ga**  - GV chỉ tiếng **ga** và mô hình tiếng **ga**   |  |  | | --- | --- | | **ga** | | | **g** | **a** |   - GV hỏi: Tiếng **ga** gồm những âm nào?  - GV cho HS ghép bảng tiếng **ga**  \* Đánh vần.  - Giáo viên hướng dẫn cả lớp vừa nói vừa thể hiện động tác tay:  + Chập hai tay vào nhau để trước mặt, phát âm: **ga**  + Vừa tách bàn tay trái ra, ngả về bên trái, vừa phát âm: **g**  + Vừa tách bàn tay phải ra, ngả về bên phải, vừa phát âm: **a**  + Vừa chập hai bàn tay lại, vừa phát âm: **ga.**  - GV cùng 1 tổ học sinh đánh vần lại với tốc độ nhanh dần: **gờ-a-ga**  **2.2. Dạy âm h và chữ h**  - GV đưa tranh hồ lên bảng    - Đây là gì?  - GV chỉ tiếng hồ  - GV giải nghĩa : hồ là vùng nước rộng hơn ao thường để thả tôm cá.  \* GV cho HS ghép bảng tiếng **hồ**  \* Phân tích  - GV viết bảng chữ **hồ** và mô hình chữ **hồ**  - GV chỉ tiếng **bễ** và mô hình tiếng **hồ**   |  |  | | --- | --- | | **h** | **ồ** |   - GV hỏi: Tiếng hồ gồm những âm nào?  \* Đánh vần.  - Giáo viên hướng dẫn cả lớp vừa nói vừa thể hiện động tác tay:  + Chập hai tay vào nhau để trước mặt, phát âm: **hồ**  + Vừa tách bàn tay trái ra, ngả về bên trái, vừa phát âm: **hô**  + Vừa tách bàn tay phải ra, ngả về bên phải, vừa phát âm: **huyền**  + Vừa chập hai bàn tay lại, vừa phát âm: **hồ**.  - GV cùng 1 tổ học sinh đánh vần lại với tốc độ nhanh dần: **hờ-ô-hô –huyền –hồ**  \* Củng cố:  - Các em vừa học chữ mới là chữ gì?  - Các em vừa học các tiếng mới là tiếng gì?  - GV chỉ mô hình tiếng **ga, hồ**  **3. Luyện tập thực hành (18 phút)**  **3.1. Mở rộng vốn từ. (BT2: Tiếng nào có âm g (gờ), tiếng nào có âm h?**  a. Xác định yêu cầu.  - GV nêu yêu cầu của bài tập: Các em nhìn vào SGK trang 26 (GV giơ sách mở trang 26 cho HS quan sát) rồi nói tên các con vật, cây có âm g, tên các con vật, cây có âm h.  b. Nói tên sự vật  - GV chỉ từng hình theo số thứ tự mời học sinh nói tên từng sự vật.  - GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn yêu cầu cả lớp nói tên tên từng sự vật.  c. Báo cáo kết quả.  - GV cho từng cặp học sinh báo cáo kết quả theo nhóm đôi.  - GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn, bất kì, mời học sinh báo cáo kết quả.  - GV cho HS làm bài vào vở Bài tập  - GV đố học sinh tìm 3 tiếng có âm g hoặc h (Hỗ trợ HS bằng hình ảnh)  **3.2. Tập đọc (Bài tập 3)**  a. Giới thiệu bài  - GV trình chiếu hình ảnh bài tập đọc lên bảng.  - GV chỉ 3 hình ảnh minh họa và hỏi: Em thấy gì trong tranh?  - GV: Bài đọc nói về bé Hà và bé Lê  - GV chỉ từng hình mời học sinh nói từng thành viên trong gia đình bé Hà, bé Lê.  - Các em cùng nghe xem một vài hoạt động của gia đình 2 bạn nhỏ nhé.  b. Đọc mẫu.  - GV đọc mẫu 1-2 lần  c. Luyện đọc từ ngữ.  - GV chỉ các từ Hà, ho, bế, trong bài đọc trên bảng  - GV giải nghĩa :  + Bế: Mang trên tay một đứa trẻ hay một con vật nhỏ. | - HS hát  - Lắng nghe  - HS nhắc lại  - HS quan sát  - HS: Đây là nhà **ga**  - HS nhận biết **g, a = ga**  - HS đọc cá nhân-tổ-cả lớp: **ga**  - Lắng nghe  - Theo dõi  - HS trả lời nối tiếp: Tiếng ga gồm có âm **g** và âm **g**. Âm **g** đứng trước và âm **a** đứng sau.  - HS ghép trên bảng cài  - Quan sát và cùng làm với GV  - HS làm và phát âm cùng GV  - HS làm và phát âm cùng GV  - HS làm và phát âm cùng GV  - HS làm và phát âm cùng GV  - HS làm và phát âm cùng GV theo từng tổ.  - Cá nhân, tổ nối tiếp nhau đánh vần: **gờ-a-ga**  - Cả lớp đánh vần: **gờ-a-ga**  - HS quan sát  - HS : Đây là hồ  - HS nhận biết **h, ô** **+ huyền = hồ**  - HS đọc cá nhân-tổ-cả lớp: **hồ**  - Lắng nghe  - HS ghép trên bảng cài  - Theo dõi  - HS trả lời nối tiếp: Tiếng **hồ** gồm có âm **h** và âm **ô** và **thanh huyền**. Âm **h** đứng trước và âm **ô** đứng sau.  - Quan sát và cùng làm với GV  - HS làm và phát âm cùng GV  - HS làm và phát âm cùng GV  - HS làm và phát âm cùng GV  - HS làm và phát âm cùng GV  - HS làm và phát âm cùng GV theo từng tổ.  - Cá nhân, tổ nối tiếp nhau đánh vần: **hờ-ô-hô –huyền –hồ.** Cả lớp đánh vần: **hờ-ô-hô –huyền –hồ, hồ**  - Chữ **g, h**  - Tiếng **ga, hồ**  - HS đánh vần, đọc trơn: **g-a-ga, ga; hờ-ô-hô-huyền-hồ, hồ**  - Học sinh lắng nghe yêu cầu và mở sách đến trang 26.  - HS lần lượt nói tên từng con vật: hổ, hồng, gấu, hành, gừng, gà.  - HS lần lượt nói một vài vòng  + HS 1 chỉ hình 1- HS 2 nói: **hổ** có âm **h**  + HS 1 chỉ hình 2- HS 2 nói: **gấu** không có âm **g**  + HS 1 chỉ hình 3- HS 2 nói: **hồng** có âm **h**  + HS 1 chỉ hình 4- HS 2 nói: **hành** có âm **h**  + HS 1 chỉ hình 5- HS 2 nói: **gừng** có âm **g**  + HS 1 chỉ hình 6- HS 2 nói**: gà** có âm **g**  - HS báo cáo cá nhân  - HS cả lớp nối hình với âm tương ứng.  - HS nói (hố, gấc, gánh,...)  - HS theo dõi, quan sát  - HS quan sát và trả lời: đây là tranh về 1 gia đình của 2 chị em bạn nhỏ.  - HS theo dõi  - HS nhắc lại : bà, ba, bé Hà và bé Lê  - HS nghe  - HS đánh vần, đọc trơn các từ GV chỉ  - Lắng nghe |
| **Tiết 2** | |
| 3.3. Tập đọc (tiếp) (15 phút)  d. Luyện đọc từng câu, từng lời dưới tranh.  - GV chỉ từng câu và giới thiệu: Bài đọc có 4 tranh và 4 câu (tranh 2 có 2 câu)  - GV đánh số thứ tự từng câu trong bài trên bảng.  - GV: Các em đọc thầm tên bài, đọc từng câu theo tay cô chỉ.  - GV chỉ chậm từng tiếng trong tên bài  - GV chỉ chậm từng tiếng trong câu dưới tranh 1.  - GV chỉ chậm từng tiếng trong câu dưới tranh 2.  - GV chỉ chậm từng tiếng trong câu dưới tranh 3.  - GV cho HS đọc  - GV chỉ vài câu theo thứ tự đảo lộn  e. Thi đọc cả bài.  - Cho HS làm việc nhóm đôi  - GV tổ chức cho học sinh thi đọc theo cặp.  - GV cùng học sinh nhận xét  - GV tổ chức cho học sinh thi đọc theo tổ.  - GV cùng học sinh nhận xét  g. Tìm hiểu bài đọc  - GV cho HS tìm hiểu nội dung bài đọc qua 1 số câu hỏi gợi ý:  + Bé Hà bị sao?  + Bà bảo bé Hà bà bế ai?  + Bé Hà đòi Ba làm gì?  + Ba đã bế ai?  \* GV cho HS đọc lại những gì vừa học ở bài 11  **3.4. Tập viết (Bảng con – BT 5) (15 phút)**  - Cho HS đọc các chữ mẫu cần viết trong bài tập 5  \* Viết : g, h, ga, hồ  \* Chuẩn bị.  - Yêu cầu HS lấy bảng con. GV hướng dẫn học sinh cách lấy bảng, cách đặt bảng con lên bàn, cách cầm phấn khoảng cách mắt đến bảng (25-30cm), cách giơ bảng, lau bảng nhẹ nhàng bằng khăn ẩm để tránh bụi.  \* Làm mẫu.  - GV giới thiệu mẫu chữ viết thường **g, h, ga, ghế** cỡ vừa.  - GV chỉ bảng chữ **g**  - GV vừa viết mẫu từng chữ và tiếng trên khung ô li phóng to trên bảng vừa hướng dẫn quy trình viết:    + Chữ **g**: Cao 5 li, rộng 1,5 li, gồm 2 nét: Nét 1, đặt bút dưới đường kẻ 3 (trên) một chút. Viết nét cong kín từ phải sang trái.  - Nét 2, từ điểm dừng bút của nét 1, lia bút lên đường kẻ 3 (trên). Viết nét khuyết ngược kéo dài xuống đường kẻ 4 dưới. Dừng bút ở đường kẻ 2 trên.  - GV chỉ bảng chữ h  - GV vừa viết mẫu từng chữ và tiếng trên khung ô li phóng to trên bảng vừa hướng dẫn quy trình viết :    + Chữ **h**: Cấu tạo chữ: Nét 1, khuyết xuôi. Nét 2, móc hai đầu.  Cách viết: Nét 1, đặt bút trên đường kẻ 2, viết nét khuyết xuôi. Chú ý đầu nét khuyết chạm vào đường kẻ 6. Dừng bút ở đường kẻ 1.  Nét 2, từ điểm dừng bút của đường kẻ 1. Người viết rê bút lên gần đường kẻ 2 để viết tiếp nét móc hai đầu. Nét móc chạm vào đường kẻ 3, sau đó dừng bút tại đường kẻ 2.  + Tiếng **ga**: viết chữ **g** trước chữ **a** sau, chú ý nối giữa chữ **g** với chữ **a**.  + Tiếng **hồ**: viết chữ **h** trước chữ **ô** sau, chú ý nối giữa chữ **h** với chữ **ô**. Dấu huyền là 1 xiên trái đặt trên đầu chữ **ô**.  \* Thực hành viết  - Cho HS viết trên khoảng không  - Cho HS viết bảng con  - Cho học sinh viết bê, bễ  d. Báo cáo kết quả  - GV yêu cầu HS giơ bảng con  - GV nhận xét  **4. Củng cố và nối tiếp: (5 phút)**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - Về nhà đọc lại bài tập đọc cùng người thân, xem trước bài 13  - GV khuyến khích HS tập viết chữ g, h trên bảng con | - HS đếm số câu theo sự chỉ dẫn của GV.  - HS theo dõi  - HS theo dõi  - HS đọc (cả lớp đọc thầm-cá nhân-cả lớp).  - HS đọc (cả lớp đọc thầm-cá nhân-cả lớp).  - HS đọc (cả lớp đọc thầm-cá nhân-cả lớp).  - HS đọc (cả lớp đọc thầm-cá nhân-cả lớp).  - HS đọc tiếp nối theo nhóm, cặp:  + Từng HS tiếp nối nhau đọc từng lời dưới tranh: HS 1 đọc tên bài và câu 1, các bạn khác tự đứng lên đọc tiếp nối.  + 3 cặp HS tiếp nối đọc lời dưới 3 bức tranh.  - Một vài HS đọc  - Từng cặp nhìn SGK cùng luyện đọc  - Từng cặp lên thi đọc cả bài  - Các tổ lên thi đọc cả bài  - Lắng nghe và trả lời câu hỏi:  + Bé Hà bị ho.  + Bà bế bé Lê  + Đòi ba bế bé Hà  + Ba bế cả bé Hà và bé Lê  \* Cả lớp nhìn SGK đọc  - HS đọc (cá nhân - tập thể)  - HS lấy bảng, đặt bảng, lấy phấn theo yc của GV  - HS theo dõi  - HS đọc  - HS theo dõi  - HS viết chữ **g, h** và tiếng **ga, hồ** lên khoảng không trước mặt bằng ngón tay trỏ.  - HS viết bài cá nhân trên bảng con  - HS viết bài cá nhân trên bảng con  - HS giơ bảng theo hiệu lệnh.  - 3 - 4 HS giới thiệu bài trước lớp  - HS khác nhận xét  - Lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**HĐTN – Lớp 1G**

**Tên bài học: Hoạt động giáo dục theo chủ đề Một ngày ở trường – Tiết 8**

**Thời gian thực hiện: ngày 25 tháng 9 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Sau hoạt động, HS có khả năng:

- Nêu được một số hoạt động học tập và vui chơi cùng bạn khi ở trường, sự cần

thiết phải có bạn khi học tập và vui chơi.

- Bước đầu hình thành được một số thói quen tự phục vụ bản thân khi ở trường.

\* Góp phần hình thành và phát triển cho HS

a. Năng lực:

- Biết soạn sách vở và dụng cụ hoc tập phù hợp với từng môn học theo thời khóa biểu.

- Nêu được những hoạt động nên làm và không nên làm trong giờ học, giờ chơi.

b. Phẩm chất:

- Chăm chỉ, có nề nếp trong học tập.

- Biết yêu quý, tôn trọng bản thân, bạn bè.

- Trung thực trong tự đánh giá.

- Ý thức trách nhiệm trong việc tự phục vụ và tự giữ an toàn cho mình trong học tập

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên:

- Tranh ảnh về hoạt động học tập và vui chơi của HS trong trường học.

- SGK Hoạt động trải nghiệm 1.

- Vở thực hành Hoạt động trải nghiệm 1.

b. Học sinh

- SGK Hoạt động trải nghiệm 1

- Vở thực hành Hoạt động trải nghiệm 1.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động (3 phút)** |  |
| - Ổn định: | - Hát |
| - Giới thiệu bài: |  |
| Giáo viên viết lên bảng lớp tên bài và giới thiệu: Hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu và làm quen với quang cảnh và các hoạt động của một ngày ở trường. | - Lắng nghe |
| **2. Hình thành kiến thức mới. (30 phút)**  **\*Mục tiêu:**  - Nêu được một số hoạt động học tập và vui chơi cùng bạn khi ở trường, sự cần  thiết phải có bạn khi học tập và vui chơi.  - Bước đầu hình thành được một số thói quen tự phục vụ bản thân khi ở trường. | |
| **Hoạt động 1.Trò chơi kết bạn** |  |
| \* Mục tiêu: HS nêu được một số hoạt động vui chơi cùng bạn khi ở trường; sự cần thiết phải có bạn khi học tập và vui chơi.  \* Cách tiến hành:  *1) Thực hiện trò chơi theo nhóm:*  - HS chia thành các nhóm 6 đến 10 người.  - GV phổ biến luật chơi:  + HS các nhóm đứng theo vòng tròn, một bạn làm quản trò đứng ở giữa vòng tròn.  + Khi quản trò hô: “Kết bạn, kết bạn”, các học sinh xung quanh sẽ đáp “Kết mấy? Kết mấy?”. Lúc đó, quan trò sẽ nêu số lượng tùy thích, ví dụ : “Kết đôi, kết đôi”, “Kết ba, kết ba”. Ngay lập tức sau khi quản trò hô, các bạn HS trong nhóm sẽ chạy lại với nhau để thành các nhóm như quản trò yêu cầu. Bạn nào không có nhóm sẽ là người thua cuộc.  - Gv cho HS chơi trò chơi.  - GV theo dõi, giúp đỡ HS | - HS chia nhóm theo bàn.  - Lắng nghe.  - HS chơi theo nhóm. |
| *2) Làm việc cả lớp:*  - HS trả lời câu hỏi để nêu được cảm nhận sau khi tham gia trò chơi này:  + Em có vui khi tham gia trò chơi này không?  + Em có bị thua cuộc lần nào không. Khi các bạn đều có nhóm kết bạn mà em không có thì em có cảm xúc như thế nào?  + Khi các bạn ở trường, em và bạn có thể cùng nhau làm những việc gì?  - GV nhận xét và rút ra kết luận. | - HS trả lời những cảm nhận của mình sau khi chơi.  + HS trả lời.  + HS nói về cảm xúc của mình.  + HS kể những việc mình đã làm cùng bạn.  - Lắng nghe. |
| \*GV kết luận:  Khi ở trường, em và bạn cùng nhau tham gia nhiều hoạt động khác nhau như: cùng nhau thảo luận nhóm để học tập trong các tiết học, giúp đỡ nhau khi gặp bài khó, cùng nhau tham gia các trò chơi trong các giờ nghỉ giữa giờ. Có bạn, chúng em học tốt hơn; có bạn, chúng em sẽ vui hơn. | - Theo dõi, lắng nghe |
| **Hoạt động 2: Tìm hiểu một ngày ở trường của em.** | |
| **\* Mục tiêu:**  - HS liên hệ và tự đánh giá những việc bản thân đã thực hiện khi ở trường.  - HS hình thành các cảm xúc tích cực và bày tỏ ý kiến về việc tham gia các hoạt động tự phục vụ khi ở trường. | |
| \* Cách tiến hành :  1) Làm việc cả lớp:  Cho HS quan sát các tranh trong SGK và trả lời một số câu hỏi:  + Các bạn trong tranh đang tham gia những hoạt động nào? Hoạt động đó mang lại ích lợi gì? | - Làm việc cả lớp  + HS trình bày những cảm nhận của cá nhân các em với bạn trong nhóm.  - Đại diện các nhóm lần lượt lên chia sẻ trước lớp.  - HS nhận xét nhóm bạn |
| 2) Làm việc theo nhóm  - HS ngồi các nhóm 2 hoặc 4 người.  - Cho các nhóm thảo luận theo các câu hỏi:  + Ở trường, em và các bạn được tham gia những hoạt động nào?  + Em đã tự làm được những việc gì khi ở trường?  + Việc làm đó của em mang lại ích lợi gì?  - Cho HS đại diện các nhóm lên bày tỏ ý kiến, GV nhận xét và rút ra kết luận. | - Làm việc theo nhóm  - Thảo luận, thống nhất ý kiến.  + HS đưa ra các hoạt động: tập đọc, làm toán, vui chơi,…  + HS nêu những việc đã làm  + HS nêu.  - Các nhóm lên chia sẻ. |
| \* Kết luận:  Khi ở trường, các em nên tự thực hiện những việc như: sắp xếp, dọn đồ ăn trước và sau khi ăn, gấp và cất chăn gối sau khi ngủ trưa; vứt, nhặt rác để giúp sân trường sạch sẽ hơn;cất và xếp ghế sau khi chào cờ và hoạt động tập thể; uống nước và vệ sinh cá nhân; chăm sóc hoa, cây cối ở vườn trường | - Lắng nghe, ghi nhớ |
| **3. Hoạt động nối tiếp: (2 phút)**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - Về nhà chia sẻ với người thân về cảnh quan và cảm nhận của mình về an toàn trường học. | - Lắng nghe |

**4. Điều chỉnh sau bài dạy: Không**

**Tiếng Việt – Lớp 1G**

**Tên bài học: Bài 13 i, ia – Tiết 32 + 33**

**Thời gian thực hiện: ngày 26 tháng 9 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết các âm và chữ i, ia; đánh vần, đọc đúng tiếng có i, ia với mô hình “âm đầu + âm chính”, “âm đầu + âm chính + thanh”: bi, bia.

- Nhìn tranh ảnh minh hoạ, phát âm và tự phát hiện tiếng có âm i, âm ia.

- Đọc đúng bài Tập đọc Bé Bi, bé Li.

- Biết viết các chữ i, ia; các tiếng bi, bia, các chữ số 4, 5 (trên bảng con).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên: Máy chiếu/Ti vi

b. Học sinh: Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập một; Bộ đồ dùng thực hành Tiếng Việt 1

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Tiết 1** | |
| **1. Khởi động (5 phút)**  - Ổn định  - GV giới thiệu bài học về âm và chữ **i, ia**  - GV chỉ từng chữ cho HS (cá nhân, cả lớp) nhắc lại  - GV giới thiệu chữ I in hoa  **2. Hình thành kiến thức mới (12 phút)**  **Chia sẻ và khám phá(BT 1: Làm quen)**  **2.1. Âm i và chữ i** .  - GV chỉ hình các viên bi, hỏi: Đây là gì?  - GV viết **b**, viết **i**.  - Phân tích tiếng **bi**.  - Cho HS đọc  **2.2. Âm ia và chữ ia**  - GV chỉ hình bia đá: Đây là các tấm bia ghi tên các tiến sĩ thời xưa.  - GV viết **b**, viết **ia.**  - Phân tích tiếng bia gồm có âm **b** đứng trước, âm **ia** đứng sau  **3. Luyện tập thực hành (18 phút)**  **3.1. Mở rộng vốn từ (BT 2: Tiếng nào có âm i? Tiếng nào có âm ia?)**  - GV nêu yêu cầu  - GV chỉ hình  **3.2. Tập đọc (BT 3)**  a) GV chỉ hình, giới thiệu bài đọc kể về anh em bé Bi, bé Li (Li là em gái Bi).  b) GV đọc mẫu từng lời dưới tranh, giới thiệu tình huống  Tranh 1: Bé Li bi bô: - Bi, Bi. (Li đang đi chập chững, giơ hai tay gọi anh. Giải nghĩa từ bi bô: nói chưa sõi, lặp đi lặp lại một số âm).  Tranh 2: Bé ạ đi. (Bi nói bé hãy —ạ” anh đi).  Tranh 3: Nghe anh nói vậy, bé Li ngoan ngoãn “ạ” lia lịa nên bị ho. (Thấy bé ho, vẻ mặt Bi lo lắng. Giải nghĩa từ lia lịa: liên tục, liên tiếp, rất nhanh).  Tranh 4: Bi dỗ bé. (Bi thương em, ôm em vào lòng, dỗ em).  c) Luyện đọc từ ngữ: ): bi bô, lia lịa, bị ho, dỗ bé. | - Hát  - HS nhắc lại đề bài  - Cả lớp chú ý lắng nghe  - HS trả lời: các viên bi  - HS: **b, i**; đọc: **bi**. HS (cá nhân, cả lớp): **bi**.  - HS (cá nhân, tổ, cả lớp) nhìn mô hình: bờ - i - bi / bi.  - HS: **b, ia**; đọc: **bia**. HS (cá nhân, cả lớp): **bia**.  - HS nhìn mô hình, đánh vần và đọc trơn: **bờ - ia - bia / bia.**  \* HS nói lại chữ, tiếng vừa học: **i, ia; bi, bia;** ghép trên bảng cài chữ **i**, chữ **ia**  - 1 HS nói, sau đó cả lớp nói: **bí, ví, chỉ, mía, đĩa,** **khỉ.** / HS làm bài trong VBT, báo cáo: Tiếng có âm **i: bí, ví, chỉ, khỉ**. Tiếng có âm **ia: mía, đĩa**. / GV chỉ hình, cả lớp nói kết quả: Tiếng bí có âm **i..**. Tiếng mía có âm **ia...**  - HS nói 3 - 4 tiếng ngoài bài có âm **i (chị, phi,** **thi, nghỉ,...);** có âm **ia** (**chia, kia, phía, tỉa,...).**  -HS (cá nhân, cả lớp) đánh vần, đọc trơn các từ ngữ (được tô màu hoặc gạch chân) |
| **Tiết 2** | |
| **3.2.Tập đọc (tt) (15 phút)**  d) Luyện đọc từng lời dưới tranh  - GV: Bài có 4 tranh và lời dưới 4 tranh.  - (Đọc vỡ từng câu) GV chỉ từng chữ trong tên bài cho cả lớp đọc thầm, sau đó 1 HS đọc, cả lớp đọc. Làm tương tự với từng lời dưới tranh.  - GV sửa lỗi phát âm cho HS, nhắc HS nghỉ hơi sau dấu chấm, dấu hai chấm dài hơn sau dấu phẩy.  e) Thi đọc đoạn, bài (theo cặp / tổ)  g) Tìm hiểu bài đọc (lướt nhanh)  - GV: Qua bài đọc, em hiểu điều gì? (Bé Li rất yêu anh Bi. Bi rất yêu em bé. / Anh em Bi rất thân nhau, yêu quý nhau).  \* Cả lớp đọc lại nội dung bài 13; đọc cả 7 chữ học trong tuần (cuối trang 28).  **3.3. Tập viết(bảng con - BT 4) (15 phút)**  a) Cả lớp đọc trên bảng các chữ, tiếng, chữ số: **i, ia, bi, bia; 4, 5.**  b)Tập viết các chữ, tiếng**: i, ia, bi, bia**  - GV vừa viết từng chữ mẫu trên bảng lớp vừa hướng dẫn:  + Chữ **i:** cao 2 li, gồm một nét hất, 1 nét móc ngược; dấu chấm (.) đặt trên đầu nét móc.  + Chữ **ia**: viết chữ **i** trước, chữ **a** sau, chú ý nét nối giữa **i** và **a**.  + Tiếng **bi**: viết chữ **b** (cao 5 li), chữ **i**, chú ý nét nối giữa **b** và **i**.  + Tiếng bia: viết chữ **b**, viết tiếp **ia.**  c) Tập viết các chữ số: 4, 5  - GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn:  + Số 4: cao 4 li; có 3 nét: nét 1 thẳng xiên, nét 2 thẳng ngang, nét 3 thẳng đứng. + Số 5: cao 4 li; có 3 nét: nét 1 thẳng ngang, nét 2 thẳng đứng, nét 3 cong phải.  **4. Củng cố và nối tiếp: (5 phút)**  - Các em vừa học hai chữ mới là chữ gì?  - Các em vừa học tiếng mới là tiếng gì?  - Nhận xét tiết học  - Chuẩn bị bài sau | - HS thực hiện từng HS, sau đó từng cặp tiếp nối nhau đọc lời dưới 4 tranh  - Các cặp, tổ thi đọc từng đoạn (mỗi cặp / tổ đọc lời dưới 2 tranh).  - Các cặp, tổ thi đọc cả bài.  - 1 HS đọc cả bài.Cả lớp đọc đồng thanh  - HS trả lời  - Cả lớp đọc  - Hs chú ý theo dõi  - HS viết bảng con: i, ia (2 lần). Sau đó viết: bi, bia (2 lần).  - Hs chú ý theo dõi.  - HS viết trên bảng con: 4, 5 (2 lần).  - HS trả lời  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Tiếng Việt – Lớp 1G**

**Tên bài học: Tập viết sau bài 13, 13 – Tiết 34**

**Thời gian thực hiện: ngày 26 tháng 9 năm 2024**

**I. Yêu cầu cần đạt**

- Tô, viết đúng các chữ **g, h, i, ia,** và các tiếng **ga, hồ, bi, bia -** chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét, dãn đúng khoảng cách giữa các con chữ.

- Tô, viết đúng các chữ số **4, 5.**

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên:Các chữ mẫu *g, h,i, ia-,* các chữ số *4, 5* đặt trong khung chữ.

b. Học sinh: Vở luyện viết

**III. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu (2 phút)**  - Hát tập thể  - Giới thiệu bài: GV nêu MĐYC của bài học.  **2. Luyện tập thực hành (30 phút)**  **Hoạt động 1: Luyện tập**  a. Cả lớp đọc trên bảng các chữ, tiếng, chữ số: ***g, ga, h, hồ, i, bi, ia, bia, 4, 5.***  b. Tập tô, tập viết: ***g, ga, h, hồ***  - GV vừa viết mẫu lần lượt từng chữ, tiếng, vừa hướng dẫn:  + Chữ ***g****;* cao 5 li; gồm 1 nét cong kín, 1 nét khuyết ngược. Quy trình (GV viết hoặc tô theo chữ mẫu): Đặt bút dưới ĐK 3 một chút, viết nét cong kín (như chữ **o***).* Từ điểm dừng bút của nét 1, lia bút lên ĐK 3, viết nét khuyết ngược (kéo dài xuống ĐK 4 ở dưới), dừng bút ở ĐK 2 (trên).  + Tiếng ***ga****,* viết chữ ***g*** trước, chữ ***a*** sau.  + Chữ ***h****;* cao 5 li; gồm 1 nét khuyết xuôi, 1 nét móc hai đầu. Cách viết: đặt bút trên ĐK 2, viết nét khuyết xuôi (đầu khuyết chạm ĐK 6), dừng bút ở ĐK 1. Từ điểm dừng, rê bút lên gần ĐK 2 để viết nét móc hai đầu (chạm ĐK 3); dừng bút ở ĐK 2.  + Tiếng **hồ***,* viết chữ **h** (cao 5 li), chữ **ô***,* dấu huyền.  - HS viết vào vở Luyện viết  c.Tập tô, tập viết: ***i, bi, ia, bia***  - GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn:  + Chữ i: cao 2 li; gồm 3 nét. Quy trình viết: đặt bút trên ĐK 2, viết nét hất, tới ĐK 3 thì dừng. Từ điểm dừng, chuyển hướng viết tiếp nét móc ngược, dừng bút ở ĐK 2. Đặt dấu chấm trên đầu nét móc.  + Tiếng *bi,* viết *b* trước (cao 5 li), *i* sau (cao 2 li), chú ý nét nối giữa *b* và *i.*thẳng n+ Tiếng *bia,* viết *b* nối sang *ia,* chú ý nét nối giữa *b* và *ia.*  - HS viết vào vở Luyện viết  **Hoạt động 2: Tập tô, tập viết chữ số: *4, 5***  - GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn:  + Số *4:* cao 4 li; gồm 3 nét. Nét 1: đặt bút trên ĐK 5, viết nét thẳng xiên (từ trên xuống) đến ĐK 2. Nét 2: từ điểm dừng của nét 1 chuyển hướng bút viết nét gang rộng hơn một nửa chiều cao một chút. Nét 3: từ điểm dừng của nét 2, lia bút lên ĐK 4 viết nét thẳng đứng từ trên xuống (cắt ngang nét 2) đến ĐK 1.  + Số 5: cao 4 li; gồm 3 nét. Nét 1: đặt bút trên ĐK 5 viết nét thẳng ngang (trùng ĐK 5) bằng một nửa chiều cao thì dừng. Nét 2: từ điểm dừng bút của nét 1, lia bút trở lại điểm đặt bút của nét 1, viết nét thẳng đứng đến ĐK 3. Nét 3: từ điểm dừng của nét 2 chuyển hướng bút viết nét cong phải đến ĐK 2.  - HS viết vào vở Luyện viết  **3.Củng cố và nối tiếp: (3 phút)**  - Nhắc nhở, động viên những học sinh chưa viết xong tiếp tục hoàn thành.  - Gv tuyên dương, khen thưởng những học sinh viết nhanh, viết đúng, viết đẹp. | - HS thực hiện  - 1 HS nhìn bảng, đọc: ***g, ga, h, hồ****,* nói cách viết, độ cao các con chữ.  - HS theo dõi  - HS tô, viết các chữ, tiếng ***g, ga, h, hồ*** trong vở *Luyện viết 1,* tập một.  - 1 HS nhìn bảng, đọc: *i, bi, ia, bia,* nói cách viết, độ cao các con chữ.  - HS tô, viết các chữ, tiếng *i, bi, ia, bia* trong vở *Luyện viết 1,* tập một.  - HS chú ý theo dõi, quan sát.  - HS tô, viết các chữ số: *4, 5* trong vở *Luyện viết 1,* tập một.  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Toán – Lớp 1G**

**Tên bài học: Nhiều hơn – ít hơn – bằng nhau – Tiết 9**

**Thời gian thực hiện: ngày 26 tháng 9 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Biết so sánh số lượng của hai nhóm đồ vật.

- Biết sử dụng từ *nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau* khi so sánh về số lượng.

- Thông qua việc đặt tương ứng 1 – 1 để so sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng, học sinh có cơ hội được phát triển năng lực mô hình hóa, năng lực tư duy và lập luận toán học.

-Thông qua việc quan sát tranh tình huống, trao đổi, nhận xét chia sẻ ý kiến, sử dụng các từ *nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau*để mô tả, diễn đạt so sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng, học sinh có cơ hội được phát triển năng lực giao tiếp toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên: Các thẻ bìa : cái cốc, 6 cái đĩa, 5 cái thìa, 6 cái bát; thẻ đúng, thẻ sai; Một số tình huống đơn giản lên quan đến *nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau.*

b. Học sinh: Vở, SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động. (3 phút)** |  |
| - Giáo viên trình chiếu tranh khởi động ở trang 22 SGK .  - Yêu cầu học sinh trao đổi cặp đôi những điều mình quan sát được từ bức tranh.  - Yêu cầu học sinh nhận xét về số bạn gấu so với số bát, số cốc hay số thìa có trên bàn.  - GV theo dõi giúp đỡ các nhóm. Khuyến khích học sinh trao đổi theo ý hiều và ngôn ngữ của mình.  **2. Hình thành kiến thức mới. (10 phút)** | - HS quan sát  - HS trao đổi những điều quan sát được:  + 6 bạn gấu đang ngồi ở bàn ăn.  + Trên bàn có 6 cái bát, 7 cái cốc,…  - HS trao đổi |
| **Hoạt động 1:** |  |
| \* GV treo tranh lên bảng.    - GV gắn lên bảng và yêu cầu học sinh lấy thẻ bát và thẻ cốc tương ứng để lên bàn.  - Yêu cầu học sinh trao đổi cặp đôi nói cho nhau nghe số bát nhiều hơn số cốc hay số cốc nhiều hơn số bát?  - GV hướng dẫn HS cách xác định số cốc nhiều hơn số bát.  + Vẽ đường nối tương ứng thẻ bát và cốc.  + Ta thấy số cốc thừa ra mấy cái?  + Chứng tỏ số cốc đã ***nhiều hơn*** số bát hay số bát ***ít hơn*** số cốc. | - HS quan sát  - HS thực hiện lấy 6 thẻ bát và 7 thẻ cốc để lên bàn.  - HS trao đổi theo cặp : Số cốc nhiều hơn số bát.  + HS vẽ theo  + Thừa ra 1 cái  - HS nhắc lại |
| \* GV treo tranh lên bảng.    - GV gắn lên bảng và yêu cầu học sinh lấy thẻ bát và thẻ thìa tương ứng để lên bàn.rồi so sánh số lượng 2 loại  - GV cho HS làm việc theo cặp so sánh như lần trước.  - Yêu cầu các nhóm báo cáo kết quả | - Theo dõi  - HS theo tác lấy thẻ  - HS vẽ đường nối so sánh và đưa ra kết luận.  - Số bát đã ***nhiều hơn*** số thìa hay số thìa ***ít hơn*** số bát. |
| \* GV treo tranh lên bảng.    - GV gắn lên bảng và yêu cầu học sinh lấy thẻ bát và thẻ đĩa tương ứng để lên bàn.rồi so sánh số lượng 2 loại  - GV cho HS làm việc theo cặp so sánh như 2 lần trước.  - Yêu cầu các nhóm báo cáo kết quả | - Theo dõi  - HS theo tác lấy thẻ  - HS vẽ đường nối so sánh và đưa ra kết luận.  - Số bát đã ***bằng*** số thìa hay số thìa và số bát bằng nhau. |
| - GV yêu cầu HS nhắc lại : ***nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau.*** | - HS (cá nhân- cả lớp)nhắc lại |
| **3. Thực hành, luyện tập. (15 phút)** |  |
| **Bài 1. Dùng các từ nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau để nói về hình vẽ sau.**  - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho HS quan sát hình vẽ.  + Trong hình vẽ những gì?  + Để thực hiện yêu cầu của bài toán thì trước hết ta phải làm gì?  + Bây giờ chúng ta làm việc theo cặp hãy dùng thẻ đĩa, thìa, cốc để so sánh số thìa với với số cốc trong bài 1.  + Gọi HS báo cáo  - GV cho HS làm bài  - Gọi HS báo cáo kết quả bài 1.  - GV cùng HS khác nhận xét  - GV yêu cầu cả lớp đọc lại kết quả | - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu  - HS quan sát  + Vẽ cốc, thìa và đĩa.  - So sánh thìa-cốc; thìa-đĩa; đĩa-cốc  + HS lấy và so sánh số thìa với với số cốc và kết luận.  + Số thìa nhiều hơn số cốc.  - HS làm việc  - Đại diện các cặp lên trình bày:  + Số thìa nhiều hơn số cốc  Hay số cốc ít hơn số thìa  + Số đĩa nhiều hơn số cốc  Hay số cốc ít hơn số đĩa  + Số thìa và số đĩa bằng nhau.  - HS nhận xét bạn  - HS (cá nhân-tổ) đọc |
| **Bài 2.Cây bên nào nhiều quả hơn**  - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV yêu cầu HS làm bài cá nhân  - Mời HS lên chia sẻ kết quả bài làm.  - GV và HS nhận xét  - GV cho HS nhắc lại kết quả bài làm | - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu  - HS làm bài vào vở BT.  - Vài HS lên bảng chia sẻ kết quả và cách là. Chẳng hạn:  + Cây bên trái nhiều quả hơn. Cách làm là em dùng bút chì nối từng quả của 2 bên với nhau thấy cây bên trái thừa ra 1 quả. Nên cây bên trái nhiều quả hơn.  - HS nhận xét bạn.  - HS (cá nhân-tổ) nhắc lại kết quả |
| **4. Vận dụng,trải nghiệm (5 phút)** |  |
| **Bài 3.Xem tranh rồi kiểm tra câu nào đúng, câu nào sai.**  - GV nêu yêu cầu bài tập  - Em cho biết bức tranh vẽ gì?  - GV đọc từng câu và yêu cầu HS giơ thẻ đúng/sai.  a) Số xô nhiều hơn số xẻng  b) Số xẻng ít hơn số người  c) Số người và số xô bằng nhau. | - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu  - Tranh vẽ : 5 bạn nhỏ, 5 cái xẻng và 5 cái xô đựng nước.  - HS lắng nghe + Quan sát rồi giơ thẻ:  a) S  b) S  c) Đ |
| - GV yêu cầu HS giải thích lí do chọn đúng hoặc sai. | - HS giải thích cách làm. |
| - GV khuyến khích HS quan sát tranh và đặt câu hỏi liên quan đến bức tranh sử dụng các từ *nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau*.  - Gọi HS lên chia sẻ.  - GV cùng HS nhận xét | - HS làm việc theo cặp.  - Đại diện các cặp lên chia sẻ  - HS khác nhận xét |
| **5. Củng cố và nối tiếp ( 2 phút)** |  |
| - Bài học hôm nay, em biết thêm điều gì?  - Từ ngữ toán học nào em cần chú ý?  - Về nhà em cùng người thân tìm thêm các tình huống thực tế liên quan đến sử dụng các từ : *nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau*.  - Nhận xét tuyên dương | - HS trả lời  - HS lắng nghe |

**4. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**TNXH – Lớp 1G**

**Tên bài học: Ngôi nhà của em (Tiết 3)– Tiết 6**

**Thời gian thực hiện: ngày 26 tháng 9 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

a. Năng lực đặc thù

\* Về nhận thức khoa học:

- Nói được địa chỉ nhà ở của mình.

- Nêu được một số đặc điểm về nhà ở và quang cảnh xung quanh nhà ở.

\* Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:

- Đặt được các câu hỏi tìm hiểu về 1 số đồ dùng trong gia đình.

\* Về vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:

- Làm được một số việc phù hợp để giữ nhà ở gọn gàng, ngăn nắp.

b. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Tự mang theo tranh ảnh ngôi nhà của mình để giới thiệu cùng bạn.HS tự làm được một số việc phù hợp để giữ nhà ở gọn gàng, ngăn nắp.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Khả năng sắp xếp nhà ở mát mắt,.

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Lắng nghe, chia sẻ và trình bày ý kiến.

c. Phẩm chất:

- Nhân ái: Các em yêu thích ngôi nhà của mình.

- Trách nhiệm: Có ý thức bảo vệ, giữ gìn ngôi nhà của mình.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên: Các hình trong SGK, vở Bài tập TN&XH, video/nhạc bài hát về ngôi nhà, giấy, bút màu, tranh ảnh đồ dùng trong gia đình, phiếu tự đánh giá

b. Học sinh: SGK và VBT Tự nhiên và Xã hội 1.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**Tiết 3**

**Giữ nhà ở gọn gàng, ngăn nắp**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động (2 phút)** |  |
| - Ổn định | - Hát |
| **2. Hình thành kiến thức mới ( 10 phút)**  **Hoạt động khám phá kiến thức mới** |  |
| **Hoạt động 6. Tìm hiểu tình huống về phòng của bạn Hà** |  |
| Bước 1. Làm việc theo cặp. |  |
| - GV trình chiếu tranh ở trang 18-19 SGK   |  |  | | --- | --- | |  |  | | - HS quan sát |
| - GV HD HS quan sát hình ở trang 18, 19 thảo luận để trả lời các câu hỏi gợi ý. | - HS theo dõi, thảo luận, thống nhất ý kiến trả lời các câu hỏi: |
| + Em có nhận xét gì về phòng của bạn Hà ở hình 1 và hình 2.  + Nêu những việc bạn Hà và anh bạn Hà đã làm để căn phòng gọn gàng, ngăn nắp. | + Hình 1: nhà cửa bề bộn, đồ dùng không được ngăn nắp.  + Thu xếp các đồ chơi, chăn gối; sắp xếp sách vở, giấu bút; đặt đồ chơi trên tủ, lau bàn, tủ,... |
| + Vì sao em cần phải sắp xếp đồ dùng cá nhân gọn gàng, ngăn nắp?  - GV theo dõi, giúp đỡ các nhóm nếu cần thiết. | + Sắp xếp đồ dùng cá nhân gọn gàng, ngăn nắp làm cho căn phòng thoáng mát, sạch sẽ và thuận lợi cho việc tìm kiếm sách vở, đồ dùng học tập,... |
| Bước 2. Làm việc cả lớp |  |
| - GV mời 1 số cặp lên chia sẻ trước lớp | - Đại diện 1 số cặp lên trình bày trước lớp |
| - GV mời HS các nhóm bạn nhận xét  - GV nhận xét | - Các nhóm đánh giá bạn |
| **3. Luyện tập, thực hành.( 20 phút).** |  |
| **Hoạt động 7. Tìm hiểu việc làm để giữ nhà ở gọn gàng, ngăn nắp.** |  |
| Bước 1. Làm việc theo nhóm 4  - GV hướng dẫn HS thảo luận để liệt kê ra những việc làm để giữ nhà cửa gọn gàng, ngăn nắp.  - GV đi quan sát, hỗ trợ các nhóm | - HS thảo luận, chia sẻ các công việc làm để giữ nhà cửa gọn gàng, ngăn nắp.  + Quét nhà  + Gấp quần áo  + Dọn đồ chơi  + Lau bàn, ghế  ....... |
| Bước 2. Làm việc cả lớp |  |
| - GV mời 1 số nhóm lên chia sẻ trước lớp | - Đại diện 1 số nhóm lên trình bày trước lớp |
| - GV mời HS các nhóm bạn nhận xét  - GV nhận xét và đưa ra thôi thông điệp: Chúng ta hãy nhớ giữ nhà cửa gọn gàng, ngăn nắp. | - Các nhóm đánh giá bạn |
| **4. Củng cố và nối tiếp. (3 phút)**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - Về nhà cùng người thân làm công việc nhà. | - Lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Tiếng Việt – Lớp 1G**

**Tên bài học: Bài 14 Kể chuyện Hai chú gà con – Tiết 35**

**Thời gian thực hiện: ngày 27 tháng 9 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nghe hiểu và nhớ câu chuyện.

- Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được câu hỏi dưới tranh.

- Nhìn tranh, có thể tự kể được từng đoạn của câu chuyện.

- Hiểu lời khuyên của câu chuyện: Anh em phải yêu thương, nhường nhịn nhau, đừng tranh giành, nghĩ xấu về nhau để khởi phải xấu hổ, ân hận.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên: Tranh minh hoạ câu chuyện trong SGK (phóng to).

b. Học sinh: SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động (5 phút)**  - Cho cả lớp hát  **2.Hình thành kiến thức mới (25 phút)**  **2.1.Chia sẻ và giới thiệu câu chuyện (gợi ý)**  **a. Quan sát và phỏng đoán:**  GV chỉ tranh minh hoạ, mời HS xem tranh, đoán nội dung truyện. (Có 2 chú gà con, chú lớn là anh, chú bé hơn là em. Trước mặt hai anh em có con gì đó như là con giun. Hai anh em vẻ mặt căng thẳng như đang cãi nhau. Trong truyện còn có 1 con chuột).  **b. Giới thiệu câu chuyện:**  Câu chuyện Hai chủ gà con kể về hai anh em gà. Nom chúng thật đáng yêu nhưng không rõ vì chuyện gì đó mà chúng cãi nhau.  **2.2. Khám phá và luyện tập**  **a. Nghe kể chuyện:**  GV kể chuyện với giọng diễn cảm: Các đoạn 1, 2, 3, 4 (hai anh em gà cãi nhau): giọng căng thẳng; ngạc nhiên khi kể về con giun thoắt hiện thoắt biến.  Đoạn 5: Giọng chuột vui vẻ, hả hê khi chê bai hai anh em gà con. Đoạn 6: Hai chú gà ân hận, giọng kể chậm, thấm thìa.  GV kể 3 lần: Lần 1 kể tự nhiên, không chỉ tranh, HS nghe toàn bộ câu chuyện. Lần 2: Vừa chỉ từng tranh vừa kể chậm, HS nghe và quan sát tranh. Kể lần 3 (như lần 2) để HS khắc sâu nội dung câu chuyện. | - HS hát  - HS nhắc lại  - HS lắng nghe |
| **Hai chú gà con**  (1) Hai anh em gà con ra vườn kiếm ăn. Cả hai cùng nhìn thấy trong một hốc đất nhỏ có một con gì đó nom giống như một con giun to.  (2) Đang đói bụng, hai chú gà cùng lao vào vồ mồi.  (3) Nhưng con giun đột ngột biến mất. Gà em nghi ngờ gà anh đã chén con giun. Còn gà anh thì nghi ngờ gà em đã chén con giun. Thế là hai anh em cãi nhau.  (4) Bỗng con giun lại xuất hiện. Hai anh em lại lao vào bắt. Nhung, con giun lại biến mất.  (5) Chợt một chú chuột vọt ra từ cái hốc gần đó. Chuột ta cười to:  - Đó đâu phải là con giun mà là cái đuôi của ta. Hai anh em ngươi thật ngốc!  (6) Hai chú gà ngơ ngác nhìn nhau. Chúng rất ân hận và xấu hổ. Chỉ vì hấp tấp và không biết nhường nhịn nhau nên chúng đã tranh nhau một cái đuôi chuột.  Theo LÊ THỊ QUẾ | |
| **b. Trả lời câu hỏi theo tranh**  - Mỗi HS trả lời câu hỏi theo 1 tranh  - GV chỉ tranh 1, hỏi: Ra vườn kiếm ăn, anh em gà con thấy gì?  - GV chỉ tranh 2: Đang đói bụng, hai chú gà làm gì?  - GV chỉ tranh 3: Vì sao hai anh em gà cãi nhau?  - GV chỉ tranh 4: Khi lại thấy con mồi, anh em gà làm gì?  - GV (chuyển tiếp): Con giun lại biến mất và con gì vọt ra từ cái hốc gần đó?  - GV chỉ tranh 5: Chuột xuất hiện và nói điều gì?  - GV chỉ tranh 6: Vì sao hai anh em gà ân hận, xấu hổ?  **c) Kể chuyện theo tranh (không dựa vào câu hỏi)**  - Mỗi HS trả lời liền các câu hỏi theo 2 tranh.  - HS kể theo tranh bất kì  -1 HS chỉ 6 tranh, tự kể toàn bộ câu chuyện.  - GV cất tranh, (YC không bắt buộc).  **d) Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện**  - GV: Câu chuyện khuyên các em điều gì?  - GV: Câu chuyện là lời khuyên: Anh em phải yêu thương nhau; tranh giành, nghĩ  xấu về nhau sẽ phải xấu hố, ân hận.  **3. Củng cố và nối tiếp: 5 phút**  - GV biểu dương những HS kể chuyện hay.  - Yêu cầu HS về nhà kể lại cho người thân nghe câu chuyện về hai anh em gà con đã biết ân hận, xấu hổ vì tranh nhau một cái đuôi chuột.  - Nhắc HS xem tranh, chuẩn bị cho tiết KC Đôi bạn tuần tới. | - Ra vườn kiếm ăn, anh em gà con thấy con vật gì đó giống như một con giun.  - Đang đói bụng, hai chú gà cùng lao vào vồ con giun.  -Vì con giun đột ngột biến mất, hai anh em người nọ nghi ngờ người kia đã chén mất con giun nên cãi nhau.  - Con giun lại xuất hiện, hai anh em gà lại lao vào bắt / vồ con giun. Nhưng con giun lại biến mất.  - Một con chuột  - Chuột nói: “Đó đâuphải là con giun mà là cái đuôi của ta. Hai anh em ngươi thật ngốc!”.  - Anh em gà ân hận, xấu hổ bởi vì chúng hấp tấp và không biết nhường nhịn nhau nên đã tranh nhau một cái đuôi chuột, bị chuột chê cười.  - Mỗi HS nhìn 2 tranh, tự kể chuyện.  - HS kể chuyện theo tranh bất kì (Trò chơi Ô cửa sổ hoặc bốc thăm).  - Một HS chỉ 6 tranh, tự kể toàn bộ câu chuyện.  - 1 HS xung phong kể lại câu chuyện  - HS phát biểu ý kiến  - Cả lớp bình chọn những HS kể chuyện hay, hiểu ý nghĩa của câu chuyện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Tiếng Việt – Lớp 1G**

**Tên bài học: Bài 15 Ôn tập – Tiết 36**

**Thời gian thực hiện: ngày 27 tháng 9 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Biết ghép các âm đã học (âm đầu l, b, h, g, âm chính a, o, ô, ơ, e, ê, i, ia) thành tiếng theo mô hình “âm đầu + âm chính”, “âm đầu + âm chính + thanh”.

- Đọc đúng bài Tập đọc Bể cá.

- Tìm đúng từ ứng với mỗi hình, viết đúng từng từ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên: Mô hình ghép âm (BT 1). Hình ảnh và các thẻ từ để HS làm BT 3 (gắn từ dưới hình) trên bảng lớp.

b. Học sinh: Bộ đồ dùng thực hành Tiếng Việt 1

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Khởi động: (5 phút)**  Giới thiệu bài: GV nêu MĐYC của bài học.  **2.Luyện tậpthực hành (25 phút)**  **\* BT 1** (Ghép các âm đã học thành tiếng) (Làm việc lớp - nhanh)  - GV gắn / chiếu lên bảng lớp mô hình ghép âm; nêu yêu cầu  - GV chỉ từng chữ (âm đầu) ở cột dọc, cả lớp đọc: **l, b, h, g.**  - GV chỉ từng chữ (âm chính) ở cột ngang, cả lớp đọc: **a, o, ô, ơ, e, ê, i, ia.**  - GV chỉ chữ, mời từng tô tiếp nối nhau ghép từng tiếng theo cột ngang: la, lo, lô, lơ, le, lê, li, lia / ba, bo, bô, bơ, be, bê, bi, bia / ha, ho, hô, hơ, he, hê, hi, hia / ga, go, gô, gơ (không có ge, gê, gi, gia).  - GV chỉ chữ, cả lớp đồng thanh đọc lại.  **\* BT 2** (Tập đọc)  a) GV chỉ hình minh hoạ bài đọc, hỏi: Đây là cái gì? (Đây là bể cá cảnh). GV: Các em cùng đọc bài Tập đọc để biết bể cá cảnh này có những con vật gì.  b) GV đọc mẫu; kết hợp giải nghĩa từ: *cò đá* (cò làm bằng đá); *le le gỗ* (le le đẽo bằng gỗ).  c) Luyện đọc từ ngữ: **bể cá, có cò, cò đá, le le gỗ**  d) Luyện đọc câu  - GV: Bài đọc có mấy câu? (GV chỉ từng câu cho HS đếm: 4 câu).  - (Đọc vỡ từng câu) Thi đọc cả bài  **\*BT 3** (Tìm từ ứng với hình)  - GV đưa lên bảng lớp 5 hình ảnh, 5 thẻ từ.  - GV chỉ từng từ, cả lớp đọc: *bí, lê, hổ, gà, đĩa.*  - GV chỉ từng hình  **3. Củng cố và nối tiếp (5 phút)**  - Về nhà luyện đọc các âm đã học  - Nhận xét tiết học  - Chuẩn bị bài sau | -HS lắng nghe  - HS đọc.  - HS từng tổ đọc nối tiếp và đồng thanh cả lớp.  - HS trả lời:Đây là bể cá cảnh .  - HS theo dõi ,lắng nghe  - HS (cá nhân, cả lớp) đánh vần (nếu cần), đọc trơn các từ ngữ được tô màu hoặc gạch chân trong bài  - HS trả lời  - Cả lớp đọc thầm tên bài và câu 1 theo thước chỉ của GV. Sau đó 1 HS đọc thành tiếng, cả lớp đọc đồng thanh. Làm tương tự với câu 2, 3, 4.  Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân / từng cặp).  Các cặp, tổ thi đọc cả bài.  1 HS đọc cả bài.  Cả lớp đọc cả bài (đọc nhỏ để không ảnh hưởng đến lớp bạn).  - 1 HS làm bài trên bảng: gắn từ dưới hình tương ứng.  - Cả lớp đọc: 1) gà, 2) bí, 3) đĩa, 4) lê, 5) hổ.  - HS làm vào VBT hoặc viết vào vở tên 5 sự vật theo TT hình của SGK  - HS đọc  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**GDTC – Lớp 1G**

**Tên bài học: BÀI 6: Ôn ĐHĐN. Trò chơi: Làm theo hiệu lệnh - Tiết 6**

**Thời gian thực hiện: ngày 27 tháng 9 năm 2024**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1.Về phẩm chất:**

Bài học góp phần bồi dưỡng cho học sinh các phẩm chất cụ thể:

- Tích cực trong tập luyện và hoạt động tập thể.

- Tích cực tham gia các trò chơi vận động và có trách nhiệm trong khi chơi trò chơi.

**2. Về năng lực**:

**2.1. Năng lực chung:**

- Tự chủ và tự học: Tự xem trước cách thực hiện các động tác quay trái, quay phải, quay sau trong sách giáo khoa.

- Giao tiếp và hợp tác: Biết phân công, hợp tác trong nhóm để thực hiện các động tác và trò chơi.

**2.2. Năng lực đặc thù:**

- NL chăm sóc SK: Biết thực hiện vệ sinh sân tập, thực hiện vệ sinh cá nhân để đảm bảo an toàn trong tập luyện.

- NL vận động cơ bản: Biết khẩu lệnh, cách thực hiện các động tác quay trái, quay phải, quay sau đúng hướng.

Biết quan sát tranh, tự khám phá bài và quan sát động tác làm mẫu của giáo viên để tập luyện. Thực hiện được các động tác quay trái, quay phải, quay sau.

**II. Địa điểm – phương tiện**

**- Địa điểm**: Sân trường

**- Phương tiện:**

+ Giáo viên chuẩn bị: Tranh ảnh, trang phụ thể thao, còi phục vụ trò chơi.

+ Học sinh chuẩn bị: Giày thể thao.

**III. Hoạt động dạy học chủ yếu**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **LV Đ** | **Phương pháp, tổ chức và yêu cầu** | |
|  | **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| **I. Phần mở đầu**  Nhận lớp  Khởi động  - Xoay các khớp cổ tay, cổ chân, vai, hông, gối,...  - Trò chơi “ nhảy đúng nhảy nhanh”  **II. Phần cơ bản:**  **Hoạt động 1**  **\*Kiến thức**  \*Ôn tập hợp hàng dọc    **\* Luyện tập**  Tập đồng loạt  Tập theo tổ nhóm  Thi đua giữa các tổ  \* Trò chơi :” Làm theo hiệu lệnh “  **Hoạt động 2**  \***Kiến thức**  Ôn tư thế đứng nghiêm, đứng nghỉ, tập hợp hàng dọc, dóng hàng  \***Luyện tập**  **III.Kết thúc**  \* Thả lỏng cơ toàn thân.  \* Nhận xét, đánh giá chung của buổi học.  Hướng dẫn HS Tự ôn ở nhà  \* Xuống lớp | 5 – 7’  2 x 8 N  16-18’  2 lần  4 lần  1 lần  3-5’  4- 5’ | Gv nhận lớp, thăm hỏi sức khỏe học sinh phổ biến nội dung, yêu cầu giờ học  - Gv HD học sinh khởi động.  - GV hướng dẫn chơi  Cho HS quan sát tranh  Hô khẩu lệnh và thực hiện động tác  GV làm mẫu lại động tác kết hợp phân tích kĩ thuật động tác.  - GV hô - HS tập theo Gv.  - Gv quan sát, sửa sai cho HS.  - Yc Tổ trưởng cho các bạn luyện tập theo khu vực.  - GV tổ chức cho HS thi đua giữa các tổ.  - GV nêu tên trò chơi, hướng dẫn cách chơi.  - Cho HS chơi thử và chơi chính thức.  - Nhận xét tuyên dương và sử phạt người phạm luật  Nhắc lại cách tư thế đứng nghiêm, đứng nghỉ, tập hợp hàng dọc, dóng hàng  - GV hướng dẫn  - Nhận xét kết quả, ý thức, thái độ học của hs.  - VN ôn bài đã học và chuẩn bị bài sau. | Đội hình nhận lớp  - Cán sự tập trung lớp, điểm số, báo cáo sĩ số, tình hình lớp cho GV.  HS quan sát tranh  HS quan sát GV làm mẫu  - Đội hình tập luyện đồng loạt.  ***ĐH tập luyện theo tổ*** GV  - Từng tổ lên thi đua - trình diễn  - Hs chơi trò chơi  HS thực hiện thả lỏng  - ***ĐH kết thúc*** |

**4. Điều chỉnh sau bài dạy: Không**

**Hoạt động trải nghiệm-Lớp 1**

**Tên bài học: Sinh hoạt lớp: Chia sẻ việc thực hiện an toàn giao thông ở cổng trường - Tiết 9**

**Thời gian thực hiện: ngày 27 tháng 9 năm 2024**

**1.Yêu cầu cần đạt:**

*- HS tự liên* hệ và đánh giá về những việc bản thân và các bạn trong lớp đã làm được để tham gia xây dựng “Công trường an toàn giao thông”.

**2. Đồ dùng dạy học:**

- Kết quả học tập, rèn luyện của cả lớp trong tuần

**3. Các hoạt động dạy học chủ yếu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Khởi động: 3 phút**  **Hát**  **2. Các bước sinh hoạt:15phút**  **2*.1. Nhận xét trong tuần 3***  - GV nhận xét các mặt học tập trong tuần  *+Tham học chuyên cần:*  *+ Tác phong , đồng phục .*  *+ Chuẩn bị bài,đồ dùng học tập*  *+ Vệ sinh.*  + GV nhận xét qua 1 tuần học:  *\* Tuyên dương:*  - GV tuyên dương cá nhân và tập thể có thành tích.  *\* Nhắc nhở:*  - GV nhắc nhở những tồn tại hạn chế của lớp trong tuần.  ***2.2.Phương hướng tuần 4***  - Thực hiện dạy tuần 4, GV bám sát kế hoạch chủ nhiệm thực hiện.  *-* Tiếp tục thực hiện nội quy HS, thực hiện ATGT, ATVSTP.  - Thực hiện tốt các phong trào lớp, trường, triển khai chủ điểm mới.  ***2.3. An toàn giao thông ở cổng trường.***  \* GV tổ chức cho HS tham gia một số hoạt động như:  - Chơi các trò chơi: thi nhận biết nhanh về các biển báo giao thông đường bộ.  - Thi đóng vai tham gia giao thông, đóng vai xử lý các tình huống khi tham gia giao thông đường bộ.  - Yêu cầu HS thảo luận và chia sẻ cặp đôi và cả lớp về: những việc mà bản thân đã chứng kiến, quan sát được về tình huống không an toàn khi tham gia giao thông; những việc mà bản thân đã thực hiện khi tham gia phong trào “Cổng trường an toàn giao thông”; những lời khuyên tới các bạn trong lớp để tham gia giao thông an toàn*.*  - Múa hát theo chủ đề “An toàn giao thông”.)  **3. Củng cố và nối tiếp (2 phút)**  - Hát tập thể  - Nhắc nhở HS chuẩn bị cho tuần mới | - Lắng nghe để thực hiện.  - Lắng nghe để thực hiện.  - HS chơi trò chơi  - HS chia nhóm, đóng vai xử lí một số tình huống giao thông.  - HS làm việc cặp đôi  - Các nhóm thực hiện. |

**4. Điều chỉnh sau bài dạy: Không**